

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
GIAI ĐOẠN 2021-2026, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 84/NQ-HĐT ngày 12 tháng 06 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 06/2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	1
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	2
1. Căn cứ văn bản của Đảng.....	2
2. Các văn bản quy phạm pháp luật	2
3. Các văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo	3
4. Văn bản của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh	4
III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	4
1. Phạm vi, đối tượng của chiến lược.....	4
2. Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng chiến lược.....	5
3. Mục tiêu xây dựng chiến lược.....	5
PHẦN THỨ NHẤT:	6
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2015 - 2020	6
I. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	6
II. MỘT SỐ THÀNH TỰU CƠ BẢN	7
1. Thực trạng đào tạo và hỗ trợ người học	7
2. Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	11
3. Thực trạng hợp tác trong nước và quốc tế	13
4. Thực trạng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực.....	14
5. Thực trạng về cơ sở vật chất và tài chính.....	16
6. Thực trạng công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng	17
7. Thực trạng truyền thông và quảng bá thương hiệu	18
8. Đánh giá các mục tiêu cụ thể đạt được của chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2014 - 2020.....	18
III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ	20
PHẦN THỨ HAI:	22

BỐI CẢNH, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2026 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030	22
I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ	22
II. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC.....	23
1. Xu thế phát triển các lĩnh vực kinh tế xã hội, khoa học công nghệ liên quan đến các hoạt động chuyên môn của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM	23
2. Phân tích các dự báo, định hướng chiến lược phát triển của nhà nước liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo:.....	26
III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC	27
1. Cơ hội	27
2. Thách thức	27
3. Vai trò của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.....	28
PHẦN THỨ BA:.....	29
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HCM GIAI ĐOẠN 2021 - 2026 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....	29
I. QUAN ĐIỂM.....	29
II. MỤC TIÊU	29
1. Mục tiêu chung.....	29
2. Mục tiêu cụ thể.....	29
III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRƯỜNG GIAI ĐOẠN NĂM 2021 – 2026, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 20230.....	31
1. Phát triển đào tạo đại học và sau đại học	31
2. Giải pháp phát triển đào tạo vận động viên tài năng.....	33
3. Giải pháp phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.	33
4. Giải pháp phát triển hợp tác trong nước và quốc tế.....	34
5. Giải pháp nâng cao công tác hỗ trợ người học	34
6. Giải pháp phát triển tổ chức và quản lý	36
7. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực	37
8. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất.....	38
9. Giải pháp phát triển tài chính	39

10. Giải pháp quảng bá và phát triển thương hiệu	39
11. Giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục đại học	40
PHẦN THỨ TƯ:	42
TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC.....	42
I. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	42
1. Giai đoạn từ năm 2021-2026 chuẩn bị các nguồn lực thực hiện chiến lược	42
2. Giai đoạn từ năm 2026-2030 mở rộng, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện chiến lược	42
II. CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN.....	42
1. Các dự án thực hiện chiến lược	42
2. Các đề án thực hiện chiến lược	42
3. Các chương trình thực hiện chiến lược	43
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	43
1. Kinh phí thực hiện chiến lược.....	43
2. Phân công thực hiện chiến lược	43
3. Phương án kiểm tra, đánh giá thực hiện chiến lược.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Trong giai đoạn hiện đại hóa đất nước và hội nhập thế giới của nước ta, nguồn nhân lực có ý nghĩa rất quan trọng. Giáo dục và đào tạo đóng vai trò then chốt trong công cuộc nâng cao trình độ dân trí, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho yêu cầu phát triển của đất nước. Những thành tựu của giáo dục đã và đang góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh chính trị của đất nước. Tuy nhiên, để đáp ứng được các nhiệm vụ này, đòi hỏi giáo dục phải có chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật và xứng tầm thời đại. Thực tiễn phát triển giáo dục của nước ta đã cho thấy cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của xã hội. Trong bối cảnh ngành thể dục, thể thao tăng cường đổi mới và hội nhập để đáp ứng với những xu thế và yêu cầu mới, hơn lúc nào hết sự nghiệp giáo dục - đào tạo của ngành càng phải được coi trọng. Lãnh đạo Bộ, ngành luôn quan tâm và dành mọi điều kiện tốt nhất cho Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM để nhà trường hoàn thành nhiệm vụ. Tập thể viên chức và người lao động tin tưởng rằng, với niềm tin, sự sáng tạo, tinh thần đoàn kết nội bộ, tinh thần vượt khó và luôn tư duy đổi mới, tập thể Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM sẽ tiếp tục có những bước đột phá mới trong công tác đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu cho sự phát triển ổn định, vững chắc trong thời gian tới, xứng đáng với vị trí, trách nhiệm và sự tin yêu của toàn ngành TDTT.

Nhìn lại chặng đường hơn 47 năm phát triển và hội nhập của nhà trường, tất cả đều có quyền vui mừng và tự hào với những thành tựu đã đạt được. Từ khi mới được thành lập, đội ngũ cán bộ còn rất thiếu thốn, điều kiện sống, làm việc, giảng dạy, tập luyện không ổn định, lại phải trải qua 3 lần chuyển địa điểm, với muôn vàn khó khăn; Song, bằng lòng nhiệt huyết, yêu nghề, ý chí sáng tạo, vượt khó, đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên của nhà trường đã cùng nhau chung tay góp sức vượt qua những khó khăn để xây dựng nên một cơ ngơi bề thế, hiện đại như ngày hôm nay. Với mô hình kết hợp giữa đào tạo, giảng dạy và huấn luyện, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM đã luôn gắn chặt, kết nối các nhiệm vụ với nhau để hoàn thành tốt các chỉ tiêu về đào tạo cán bộ có trình độ đại học, sau đại học; tổ chức triển khai nhiều đề tài nghiên cứu khoa học mang tính thực tiễn, ứng dụng trực tiếp cho công tác giảng dạy, huấn luyện. Quán triệt quan điểm của Đảng “*Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực của quá trình phát triển*” và theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

Ngày 15 tháng 11 năm 2014, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM

giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Sau 5 năm thực hiện chiến lược, một vài mục tiêu cụ thể cơ bản đã hoàn thành, góp phần tích cực vào thành công chung trọng sự nghiệp đào tạo của Trường. Đến nay, đã kết thúc giai đoạn thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM giai đoạn 2014 - 2020, cần xây dựng, triển khai chiến lược mới nhằm định hướng phát triển Trường trong tình hình mới. Bên cạnh đó, Bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn 2021-2030 có nhiều thay đổi, tạo ra thời cơ mới nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức đối với công tác đào tạo và nghiên cứu, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh điều chỉnh, cách tiếp cận mới về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đối với từng lĩnh vực hoạt động của Trường. Xây dựng chiến lược mới nhằm định hướng phát triển Trường trong giai đoạn tới một cách hợp lý và sát thực tiễn. Bối cảnh trong nước và quốc tế trong giai đoạn 2021-2030 cũng nhằm cụ thể hóa, triển khai hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp liên quan tới phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn mới. Vì vậy, Việc tiến hành xây dựng "*Chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030*" là một việc làm hết sức cần thiết, cấp bách có ý nghĩa về mặt lý luận, thực tiễn khoa học, hệ thống đồng bộ với những điều chỉnh cần thiết nhằm tạo những chuyển biến cơ bản, tích cực đối với đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ của Trường trong giai đoạn mới và góp phần giúp cho Trường hoạch định quy hoạch, kế hoạch, dự án... phát triển ngang tầm với các Trường Đại học thể thao khu vực và quốc tế.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Căn cứ văn bản của Đảng

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Nghị Quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

2. Các văn bản quy phạm pháp luật

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, Thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

Nghị quyết số 16/2013/NQ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01 tháng 12 năm 2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020.

Quyết định số 1260/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025.

Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 22/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035.

Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030.

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nghị định số 234/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thành lập Trường Đại học Thể dục thể thao II tại Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

3. Các văn bản của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo

Quyết định số 4227/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn 2030.

Quyết định số 3656/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh.

Quyết định số 334/QĐ-BVHTTDL ngày 22/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021-2026.

Quyết định số 2103/QĐ-BVHTTDL ngày 12/07/2021 về Chương trình hành động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ.

Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Quyết định số 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ.

4. Văn bản của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ 2020-2025.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2014 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, YÊU CẦU VÀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Phạm vi, đối tượng của chiến lược

- Phạm vi không gian: trong cả nước
- Phạm vi về thời gian: Đánh giá thực trạng phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM giai đoạn 2015 - 2020; đề xuất chiến lược phát triển Trường giai đoạn năm 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030.
- Đối tượng của chiến lược:

+ Thực trạng phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2020.

+ Quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ phát triển Trường giai đoạn năm 2021 - 2026, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Giải pháp thực hiện chiến lược.

+ Chỉ tiêu KPIs thực hiện chiến lược.

2. Yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng chiến lược

- Phù hợp các yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

- Đảm bảo dự phát triển đồng bộ, phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, đề án phát triển của cả nước; có sự gắn kết chặt chẽ giữa các lĩnh vực trong sự phát triển.

- Đánh giá một cách khoa học và đầy đủ về thực trạng phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM giai đoạn 2015 - 2020 để làm cơ sở xác định các chiến lược tiếp theo.

- Đề xuất được các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM giai đoạn 2021-2026, tầm nhìn đến năm 2030 làm cơ sở lập các quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư để đạt được mục tiêu của chiến lược.

- Tuân thủ các nguyên tắc về xây dựng chiến lược, quy hoạch được quy định trong các văn bản pháp luật liên quan; bảo đảm công khai trong quá trình lập và công bố chiến lược.

3. Mục tiêu xây dựng chiến lược

- Cụ thể hóa quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển TDTT, công tác giáo dục và đào tạo thành những nhiệm vụ, phương án phát triển có định hướng, lộ trình, giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và thương hiệu của Trường trong giai đoạn tới.

- Phân tích, đánh giá thực trạng, kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân chủ yếu trong việc thực hiện chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn 2014 - 2020.

- Phân tích kinh tế xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực và vai trò của Trường trong việc đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực thể dục, thể thao, giáo dục cho xã hội.

- Xác định quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của các lĩnh vực hoạt động của Trường.

- Xác định các giải pháp và các chỉ tiêu KPIs cần đạt cho từng lĩnh vực hoạt động của Trường.

PHẦN THỨ NHẤT:
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

I. KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM là trường đại học công lập đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ đào tạo bậc đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực TDTT và các lĩnh vực liên quan.

Từ khi thành lập vào năm 1976 cho đến hiện nay, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM trong quá trình phát triển đã nhiều lần thay đổi về cơ cấu tổ chức, mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, nội dung đào tạo cho phù hợp với yêu cầu qua từng thời kỳ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

1) Sứ mạng

- Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM thiết lập chính sách và vận hành đảm bảo chất lượng theo mô hình AUN-QA và toàn trường hướng tới văn hóa chất lượng.

- Trường Đại học Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM đào tạo đa ngành từ bậc đại học đến tiến sĩ với các chương trình đào tạo hiện đại được kiểm định theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực, đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

- Phát triển khoa học, công nghệ hội nhập quốc tế; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng về thể thao thành tích cao, thể thao vì sức khỏe và giải trí của cộng đồng, thiết lập mạng lưới khoa học công nghệ thể thao khu vực phía nam và toàn quốc.

- Đào tạo, tuyển chọn, huấn luyện vận động viên tài năng thể thao và thành tích cao đạt thứ hạng cao tại các giải quốc gia, quốc tế.

2) Giá trị cốt lõi: *“Đoàn kết - Chất lượng - Khát vọng - Phát triển”*.

3) Triết lý giáo dục: *“Chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững”*

4) Định hướng đến năm 2026 và tầm nhìn đến năm 2030

- Đến năm 2026, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM sẽ trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực thể dục thể thao chất lượng cao, sinh viên có kiến thức hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng thị trường lao động và nhu cầu xã hội. Vận động viên được huấn luyện tốt cả chuyên môn và học văn hóa, đáp ứng yêu cầu thi đấu đạt thành tích các giải quốc gia, quốc tế.

- Đến năm 2030, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM sẽ trở thành trung tâm khoa học ứng dụng về thể thao thành tích cao và thể thao vì sức khỏe cộng đồng, liên kết chặt chẽ các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, địa phương, các liên đoàn thể thao và các bệnh viện có khoa y học TDTT. Đội ngũ

giảng viên, nhà khoa học của nhà trường là các chuyên gia uy tín trong nước và khu vực. Đào tạo lực lượng vận động viên đỉnh cao đạt trình độ quốc tế ở một số môn thể thao trọng điểm của Việt Nam.

II. MỘT SỐ THÀNH TỰU CƠ BẢN

1. Thực trạng đào tạo và hỗ trợ người học

a. Đào tạo đại học từ năm 2015 đến năm 2020

Trên cơ sở mã ngành đào tạo cấp 4 đã được Bộ giáo dục và đào tạo ban hành trường đã thực hiện chuyển đổi ngành đào tạo theo quy định:

- + Giáo dục thể chất Mã số: 7140206
- + Huấn luyện thể thao Mã số: 7140207
- + Y sinh học TDTT Mã số: 7729001
- + Quản lý TDTT Mã số: 7810301

Kết quả tuyển sinh và đào tạo đại học từ năm 2015 đến năm 2020 cụ thể:

Bảng 1. Số liệu tuyển sinh và đào tạo đại học giai đoạn 2015 - 2020 (Hệ chính quy)

Năm học	Số liệu	Ngành				Tổng
		GDTC	HLTT	YSH TDTT	QL TDTT	
2015 - 2016 Khóa 38	Chỉ tiêu	600	550	50	100	1300
	Trúng tuyển	294	272	16	33	615
	Tỷ lệ TT %	49.00	49.45	32.00	33.00	47.31
	Nhập học	271	275	16	26	588
	Tỷ lệ nhập học%	45.17	50.00	32.00	26.00	45.23
	Tốt nghiệp	213	233	12	18	476
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	78.60	84.73	75.00	69.23	80.95
2016 - 2017 Khóa 39	Chỉ tiêu	450	400	50	100	1000
	Trúng tuyển	189	320	3	39	551
	Tỷ lệ TT %	42.00	80.00	6.00	39.00	55.10
	Nhập học	167	295	0	28	490
	Tỷ lệ nhập học%	37.11	73.75	0.00	28.00	49.00
	Tốt nghiệp	123	230	0	18	371
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	73.65	77.97	0.00	64.29	75.71
2017 - 2018 Khóa 40	Chỉ tiêu	350	300	50	100	800
	Trúng tuyển	234	292	3	43	572
	Tỷ lệ TT %	66.86	97.33	6.00	43.00	71.50
	Nhập học	128	246	0	25	399
	Tỷ lệ nhập học%	36.57	82.00	0.00	25.00	49.88
	Tốt nghiệp	100	233	0	20	353
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	78.13	94.72	0.00	80.00	88.47
2018 - 2019 Khóa 41	Chỉ tiêu	290	280	50	80	700
	Trúng tuyển	101	292	7	32	432
	Tỷ lệ TT %	34.83	104.29	14.00	40.00	61.71
	Nhập học	58	269	8	22	357

	Tỷ lệ nhập học%	20.00	96.07	16.00	27.50	51.00
	Tốt nghiệp	26	82	5	9	122
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	44.83	30.48	0.00	40.91	34.17
2019 - 2020 Khóa 42	Chỉ tiêu	140	240	40	80	500
	Trúng tuyển	116	242	29	72	459
	Tỷ lệ TT %	82.86	100.83	72.50	90.00	91.80
	Nhập học	70	203	20	49	342
	Tỷ lệ nhập học%	50.00	84.58	50.00	61.25	68.40
	Tốt nghiệp					
	Tỷ lệ tốt nghiệp %					
Tổng	Chỉ tiêu	1830	1770	240	460	4300
	Trúng tuyển	934	1418	58	219	2629
	Tỷ lệ TT %	55.11	86.38	26.10	49.00	65.48
	Nhập học	694	1288	44	150	2176
	Tỷ lệ nhập học%	37.8	77.3	19.6	33.6	52.7
	Tốt nghiệp	462	778	17	65	1322
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	68.8	72.0	18.8	63.6	69.8

(Nguồn: Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT)

- Đối với hệ đào tạo chính quy: Tổng số thí sinh đăng ký thi tuyển sinh đại học từ năm 2009 đến năm 2013 là 13.133 thí sinh; số thí sinh trúng tuyển 4400 thí sinh quân năm có 880 thí sinh trúng tuyển) và nhập học 3975 thí sinh (bình quân mỗi năm có 795 thí sinh nhập học). Tổng số sinh viên tốt nghiệp đại học từ năm 2009 đến năm 2013 là 1364 sinh viên đạt tỉ lệ 85.44% nhưng đến giai đoạn 2015 - 2020 là 4300 thí sinh, trúng tuyển là 2629 thí sinh, nhập học là 2176, số sinh viên tốt nghiệp là 1322, chiếm tỷ lệ 69.8%.

- Đối với hệ vừa làm, vừa học:

**Bảng 2. Số liệu tuyển sinh và đào tạo đại học giai đoạn 2015 - 2020
(Hệ vừa làm, vừa học)**

Năm học	Số liệu	Ngành				Tổng
		GDTC	HLTT	YS TDTT	QL TDTT	
2015 - 2016	Chỉ tiêu	400	0	0	0	400
	Trúng tuyển	46				46
	Tỷ lệ TT %	11.50				11.50
	Nhập học	34				34
	Tỷ lệ nhập học%	73.91				73.91
	Tốt nghiệp	23				23
	Tỷ lệ TN %	67.65				67.65
2016 - 2017	Chỉ tiêu	300	0	0	0	300
	Trúng tuyển	137				137
	Tỷ lệ TT %	45.67				45.67
	Nhập học	121				121
	Tỷ lệ nhập học%	88.32				88.32
	Tốt nghiệp	82				82
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	67.77				67.77

Chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh

2017 - 2018	Chỉ tiêu	240	0	0	0	240
	Trúng tuyển	67				67
	Tỷ lệ TT %	27.92				27.92
	Nhập học	66				66
	Tỷ lệ nhập học%	98.51				98.51
	Tốt nghiệp	39				39
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	59.09				59.09
2018 - 2019	Chỉ tiêu		90	40	20	240
	Trúng tuyển		78	0	0	78
	Tỷ lệ TT %		86.67			86.67
	Nhập học		73			73
	Tỷ lệ nhập học%		93.59			93.59
	Tốt nghiệp		Chưa TN			Chưa TN
	Tỷ lệ tốt nghiệp %					
2019 - 2020	Chỉ tiêu		90	40	20	240
	Trúng tuyển		65			65
	Tỷ lệ TT %		72.22			27.08
	Nhập học		63			63
	Tỷ lệ nhập học%		96.92			96.92
	Tốt nghiệp		Chưa TN			Chưa TN
	Tỷ lệ tốt nghiệp %					
Tổng	Chỉ tiêu	940	180	80	40	1420
	Trúng tuyển	250	143			393
	Tỷ lệ TT %	22.32	79.44			27.67
	Nhập học	221	136			357
	Tỷ lệ nhập học%	88.40	95.10			90.84
	Tốt nghiệp	144	0			144
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	65.16	0.00			65.16

(Nguồn: Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT)

Trong giai đoạn 2015 – 2020 chỉ tiêu tuyển sinh vừa làm, vừa học là 1420 thí sinh, trúng tuyển 393 thí sinh, chiếm tỷ lệ 27.67%; nhập học 357 thí sinh, chiếm tỷ lệ 90.84% và chỉ mới tốt nghiệp 144 sinh viên, chiếm tỷ lệ 65.14%. Số thí sinh đăng ký thi đầu vào giảm, số thí sinh trúng tuyển và nhập học giảm dần qua từng năm.

Như vậy, giai đoạn năm 2015 – 2020, chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng nhập học và số sinh viên tốt nghiệp của cả 2 hệ đào tạo đều giảm qua từng năm so với giai đoạn năm 2009 - 2013. Trong đó, Ngành HLTT số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học và tốt nghiệp nhiều hơn các ngành khác.

b. Đào tạo cao học và nghiên cứu sinh

Bảng 3. Số liệu tuyển sinh vào đào tạo sau đại học giai đoạn 2015 - 2020

Năm học	Số liệu	Thạc sĩ Khoa học giáo dục/Giáo dục học	Tiến sĩ Khoa học giáo dục/Giáo dục học
2015 - 2016	Chỉ tiêu K21	160	20
	Trúng tuyển	113	20
	Tỷ lệ TT %	70.63	100.00
	Nhập học	110	13

Chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh

	Tỷ lệ nhập học%	97.35	65.00
	Tốt nghiệp K19	157	5
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	94.01	
2016 - 2017	Chỉ tiêu K22	150	24
	Trúng tuyển	116	24
	Tỷ lệ TT %	77.33	100.00
	Nhập học	110	19
	Tỷ lệ nhập học%	73.33	79.16
	Tốt nghiệp K20	115	13
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	94.26	
	2017 - 2018	Chỉ tiêu K23	150
Trúng tuyển		128	0
Tỷ lệ TT %		85.33	
Nhập học		118	
Tỷ lệ nhập học%		78.67	
Tốt nghiệp K21		96	4
Tỷ lệ tốt nghiệp %		87.27	
2018 - 2019	Chỉ tiêu k24	150	20
	Trúng tuyển	123	3
	Tỷ lệ TT %	82.00	15.00
	Nhập học	123	2
	Tỷ lệ nhập học%	82.00	66.67
	Tốt nghiệp K22	96	16
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	78.05	
2019 - 2020	Chỉ tiêu K25	150	20
	Trúng tuyển	111	4
	Tỷ lệ TT %	91.67	20.00
	Nhập học	107	4
	Tỷ lệ nhập học%	92.20	20.00
	Tốt nghiệp K23	105	9
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	98.13	
2020-2021	Chỉ tiêu	120	20
	Trúng tuyển	51	9
	Tỷ lệ TT %	42.50	45.00
	Nhập học	49	9
	Tỷ lệ nhập học%	96.07	45.00
	Tốt nghiệp k24	92	5
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	74.79	
Tổng	Chỉ tiêu	880	104
	Trúng tuyển	632	51
	Tỷ lệ TT %	71.81	49.03
	Nhập học	617	38
	Tỷ lệ nhập học%	97.62	74.50
	Tốt nghiệp	565	47
	Tỷ lệ tốt nghiệp %	91.57	

(Nguồn: Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT)

- **Đối với cao học:** Tổng số thí sinh đăng ký thi tuyển sinh cao học từ năm 2009 đến năm 2013 là 744 thí sinh; số thí sinh trúng tuyển 389 thí sinh (bình quân mỗi năm có 78 thí sinh trúng tuyển) và nhập học 385 thí sinh (bình quân mỗi năm có 77 thí sinh nhập học). Tổng số học viên tốt nghiệp cao học từ năm 2009 đến năm 2013 là 191 học viên đạt tỉ lệ 92.36% nhưng đến giai đoạn 2015 - 2020 là 880 thí sinh, trúng tuyển là 632 thí sinh, nhập học là 617, số sinh viên tốt nghiệp là 565, chiếm tỷ lệ 91.57%. Như vậy, giai đoạn năm 2015 - 2020, chỉ tiêu tuyển sinh giảm ít, nhưng số lượng nhập học tăng và số sinh viên tốt nghiệp đều tăng qua từng năm so với giai đoạn năm 2009 - 2013.

- **Đối với đào tạo NCS:** Tổng số NCS đến thời điểm năm 2020 Giai đoạn 2015 - 2020 là 104 thí sinh, trúng tuyển là 51 thí sinh, nhập học là 38, số sinh viên tốt nghiệp là 47, hiện đang tham gia học tập là 13 NCS. Như vậy, giai đoạn năm 2015 - 2020, số nghiên cứu sinh tốt nghiệp đều giảm qua từng năm.

c. Thực trạng về chương trình đào tạo và học liệu phục vụ giảng dạy ở các bậc và hình thức đào tạo:

Từ năm 2012 đến 2020, 3 chương trình đào tạo bậc cử nhân chưa cập nhật và phát triển chương trình, chỉ có ngành quản lý TDTT được tiến hành cải tiến, đáp ứng nhu cầu xã hội; chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cũng chưa xúc tiến hoạt động cải tiến hay phát triển chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội. Hiện nay, các giáo trình giảng dạy cho các ngành và các bậc học chưa được biên soạn và hiệu chỉnh đầy đủ, nội dung giảng dạy còn lạc hậu, chưa hiện đại, phương pháp giảng dạy các môn học chưa được cải tiến mạnh mẽ; hình thức giảng dạy chưa được đa dạng hóa; tài liệu tham khảo e-book, giáo trình mới xuất bản ít, thư viện điện tử chưa được xây dựng...nên nguồn học liệu rất hạn hẹp cho người học.

d. Hỗ trợ người học:

Công tác học sinh, sinh viên được thực hiện theo đúng quy định, công tác đoàn, hội sinh viên, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt, sinh viên ở các vùng khó khăn, sinh viên dân tộc thiểu số. Trao học bổng cho sinh viên giỏi, sinh viên vượt khó, liên hệ với các đối tác để tài trợ, trao học bổng, hỗ trợ sinh viên. Ký kết hợp tác với các công ty, tổ chức để hỗ trợ thực tập và việc làm sau tốt nghiệp: Bệnh viện Quân y 175, California Fitness & Yoga, Công ty cổ phần Thương mại & Sự kiện giải trí PCA Việt Nam, Học viện thể thao quốc tế Việt Nam. Bên cạnh đó, Trường còn có mối quan hệ mật thiết với các liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia, các trung tâm thể thao tỉnh, thành để hỗ trợ sinh viên thực tập và làm việc.

2. Thực trạng công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Hoạt động khoa học và phát triển công nghệ của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM được xây dựng và triển khai đúng theo kế hoạch và tuân thủ theo quy định của các cấp quản lý. Sản phẩm của đề tài thể hiện qua số lượng bài báo đăng ở các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa

học và sách, giáo trình, tài liệu tham khảo khá lớn. Công tác NCKH đã được trường định hướng, đầu tư ngày một tốt hơn về chất lượng và kinh phí.

Bảng 4. Số liệu khoa học

TT	Sản phẩm KH	Năm					Tổng
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
1	Đề tài cấp Bộ hay tương đương	3	4	4	5	4	20
2	Đề tài cấp cơ sở	13	11	9	6	11	50
3	Sáng kiến	79	76	66	54	37	312
4	Thuyết minh đề tài cấp cơ sở	11	14	9	5	4	43
5	Giáo trình	3	4	11	0	0	18
6	Sách chuyên khảo	0	2	1	0	0	3
7	Bài báo trong nước	25	28	38	30	24	145
8	Bài báo đăng tại Hội thảo khoa học TDTT và đăng trên Tạp chí khoa học TDTT nước ngoài.	3	3	14	26	19	65
9	Tổ chức hội thảo khoa học trong nước.	1	1	4	1	1	8
10	Tổ chức hội thảo khoa học trong quốc tế.	0	1	0	1	1	3
11	Xuất bản kỷ yếu khoa học	0	1	0	1	0	2
12	Xuất bản Tạp chí khoa học và đào tạo TDTT (số lần)	4	4	4	4	4	20

(Nguồn: Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT; Viện KHCN TDTT)

- Trong giai đoạn năm 2015 - 2020, viên chức của Trường đã thực hiện 20 đề tài cấp Bộ, tỉnh, thành, 50 đề tài cấp cơ sở đã thẩm định và thuyết minh đề tài cấp cơ sở là 43; số sáng kiến cấp cơ sở được công nhận là 312 sáng kiến; giáo trình và sách chuyên khảo được xuất bản là 21; 210 bài báo được đăng trong nước và quốc tế. Nếu sánh so với kết quả về bài báo khoa học, tạp chí và kỷ yếu khoa học của Trường trong giai đoạn từ năm 2009 - 2013 có: 100 bài đăng thông tin khoa học và công nghệ; 47 bài đăng tạp chí, kỷ yếu hội nghị khoa học; 34 bài đăng trên bản tin và 03 bài đăng trên tạp ở nước ngoài thì giai đoạn 2015 - 2020 số sản phẩm khoa học có bước phát triển, đặc biệt là số lượng bài báo quốc tế; Số hội thảo khoa học trong nước và quốc tế cũng gia tăng đáng kể.

- Hàng năm, Trường cử viên chức đi dự các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Điều đáng chú ý là Trường đã đăng cai tổ chức hội nghị với sự tham gia của các nhà khoa học trong nước và quốc tế. Trường đã tổ chức thành công Hội nghị khoa học Quốc tế TDTT Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM lần thứ 8 với sự tham gia của các đơn vị ngoài trường và 6 đoàn nước

ngoài là các cơ sở hợp tác của trường từ 6 nước Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nga, Campuchia....

3. Thực trạng hợp tác trong nước và quốc tế

a. Hợp tác trong nước.

Hầu hết các trường và các viện trong ngành TDTT đều có quan hệ hợp tác chặt chẽ với Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM như: Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các địa phương, các công ty kinh doanh trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, thể dục, thể thao.

Bảng 5. Danh sách ký kết hợp tác các đơn vị trong nước (MOU)

TT	Đơn vị	Thời gian	Nội dung
1.	Học viện Thể thao Quốc tế Việt Nam (VIIS)	2022	Thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, hợp tác đào tạo
2.	Công ty cổ phần truyền thông và đầu tư Nam Hương	2021	Thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, tổ chức nghiên cứu, hợp tác khoa học.
3.	Công ty Cổ phần Giáo dục Liên minh Bách khoa (Trường Tuệ Đức)	2020	Hỗ trợ thực tập, việc làm, tổ chức sự kiện, hội thảo nghề nghiệp, tuyển dụng.
4.	Công ty TNHH Trung Tâm Thể Dục Thể Hình & Yoga California	2020	Thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc
5.	Bệnh viện Quân y 175	2020	Thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, tổ chức nghiên cứu, hợp tác khoa học.
6.	Công ty Cổ phần Quản lý & Khai thác tòa nhà VNPT-PMC	2020	Thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc
7.	Công ty TNHH Bước Sải Kỳ Diệu	2020	Thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc

(Nguồn: Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT)

Nhìn chung, Lĩnh vực hợp tác trong nước có trong giai đoạn này không hoạt động mạnh hơn giai đoạn năm 2009 - 2013 tuy Nhà trường đã ký kết hợp tác với 07 đối tác để thực hiện các nội dung như thỏa thuận hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ sinh viên thực tập, làm việc không nhiều như đã ghi trong bảng MOU.

b. Hợp tác quốc tế

Công tác quan hệ quốc tế của Trường được đánh giá là một trong những trường mạnh nhất trong cả nước. Tính từ năm 2012 đến cho đến năm 2020, Trường đã ký kết văn bản hợp tác nghiên cứu và đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu. Trường đã quan hệ với các nước để thực hiện hợp tác đào tạo và trao đổi học thuật, khoa học.

Bảng 6. Danh sách ký kết hợp tác các đơn vị nước ngoài (MOU)

TT	Đơn vị	Thời gian	Nội dung
1.	Đại học Burapha, Thái Lan	01/11/2019	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
2.	Đại học Sendai, Nhật Bản	2018	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
3.	Đại học Thể chất (UPE/TE), Budapest, Hungary	12/09/2018	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
4.	Viện Khoa học Thể thao Hàn Quốc (KISS)	06/11/2018	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
5.	Đại học Thể thao quốc gia Hàn Quốc (KNSU)	06/2018	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
6.	Đại học Thể thao Đài Loan, Trung Quốc	06/2012	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
7.	Học viện GDTC Chonburi	16/08/2012	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
8.	Hiệp hội Thể thao Giải trí Thế giới	12/03/2013	Trao đổi học thuật, trao đổi nghiên cứu khoa học
9.	Học viện Thể thao Thủ đô Bắc Kinh, Trung Quốc	12/11/2012	Thỏa thuận hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên
10.	Đại học Tổng hợp Thể dục thể thao, Thanh niên và Du lịch Liên Bang Nga	29/05/2013	Trao đổi học thuật, trao đổi nghiên cứu khoa học

(Nguồn: Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT)

Chương trình thỏa thuận hợp tác giữa trường Đại học Thể dục thể thao TP.HCM với: Đại học Thẩm Dương – Trung Quốc, Đại học Chandrasekhar – Thái Lan Đại học Thể thao Quốc gia Hàn Quốc, Học viện Giáo dục thể chất Chonburi – Thái Lan và Đại học Sendai – Nhật Bản.

Nhìn chung, Lĩnh vực hợp tác quốc tế có trong giai đoạn này không hoạt động mạnh hơn giai đoạn năm 2009 – 2013 tuy Nhà trường đã ký kết hợp tác với 10 đối tác nước ngoài như trao đổi đoàn giữa các bên ít, phối kết hợp tổ chức hội thảo khoa học không nhiều như đã ghi trong bảng MOU.

4. Thực trạng bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực

a. Nguồn nhân sự:

- Trường đã xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giảng viên và cán bộ nghiệp vụ theo hướng chuẩn hoá về mặt chức danh, trình độ đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng và đồng bộ về cơ cấu chú trọng nâng cao năng lực công tác, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cho cán bộ. Gắn công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng với công tác quản lý, sử dụng CBVC đúng chức danh chuyên môn nhằm phát huy cao độ năng lực và hiệu quả công tác.

- Số lượng giảng viên hiện có cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo của trường cơ cấu đội ngũ giảng viên tương đối hợp lý cho các ngành và chuyên ngành đào tạo. Số lượng giảng viên có học vị thạc sĩ, tiến sĩ và học hàm PGS chiếm tỷ lệ cao. Đội ngũ giảng viên của trường được bổ sung thường xuyên và

đang được trẻ hóa, bình quân thâm niên công tác chuyên môn của giảng viên khá cao.

Bảng 7. Số liệu nhân sự giai đoạn 2015 - 2020

TT	Số liệu	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	Tổng
1	Số lượng viên chức và NLD	341	321	303	248	189	
2	Số lượng đảng viên	114	109	101	98	91	
3	Giáo sư	1	1	1	1	1	
4	Phó Giáo sư	9	15	15	10	10	
5	Tiến sĩ	25	24	27	27	27	
6	Thạc sĩ	123	118	120	108	108	
7	Cử nhân	58	47	32	22	18	
8	Cao cấp lý luận chính trị	4	4	4	4	4	20
9	Trung cấp lý luận chính trị	15	11	7	8	8	49
10	Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng lãnh đạo cấp phòng hoặc tương đương	8	12	8	9	7	44
11	Trình độ khác	125	116	108	80	25	

(Nguồn: Phòng Hành chính, Tổng hợp)

Tổng số cán bộ, công nhân viên (tính đến tháng 10/2020) của Trường là 189 người, trong đó: Số Đảng viên: 91 đảng viên; Số tốt nghiệp cử nhân chính trị cao cấp lý luận chính trị: 20 và số tốt nghiệp Trung cấp lý luận chính trị là 49 viên chức.

- Đã có nhiều giảng viên sử dụng được ngoại ngữ (đọc, viết) trong nghiên cứu nhưng số GV có thể trao đổi chuyên môn với chuyên gia nước ngoài hoặc giảng dạy bằng ngoại ngữ còn ít.

- Đội ngũ kỹ thuật viên (KTV), nghiên cứu viên đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý, sử dụng hướng dẫn và bảo trì các hệ thống thiết bị của Phòng Hành chính, Tổng hợp; Viện nghiên cứu KHCN TĐTT, Trung tâm Thông tin, Thư viện.

b. Tổ chức bộ máy:

Trường hiện có Hội đồng trường gồm 15 thành viên, Ban giám hiệu có Quyền hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng và 15 đơn vị thuộc và trực thuộc:

+ Có 4 phòng chức năng: phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; phòng Công tác học sinh, sinh viên; phòng Hành chính, Tổng hợp.

+ Có 5 khoa đào tạo: khoa Kiến thức cơ bản và cơ sở ngành; khoa Giáo dục thể chất, khoa Huấn luyện thể thao; khoa Quản lý TĐTT; khoa Y sinh học TĐTT.

+ Có 2 đơn vị thuộc: Tạp chí Khoa học & Đào tạo thể thao; Trung tâm thông tin, Thư viện.

+ Có 4 đơn vị trực thuộc: Viện NCKH & Công nghệ thể thao; Trường phổ thông năng khiếu Olympic, Trung tâm Tư vấn dịch vụ thể thao, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

Nhân sự: Trường có 189 cán bộ, viên chức, trong đó có 147 giảng viên cơ hữu (38 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 98 giảng viên có trình độ thạc sĩ; gồm 1 giáo sư, 10 phó giáo sư, 11 giảng viên cao cấp)

5. Thực trạng về cơ sở vật chất và tài chính

Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM xây dựng trên diện tích đất 12.4 ha tại địa chỉ: Khu phố 6, phường Linh Trung, Tp. Thủ Đức, TP. HCM. Các hạng mục công trình đã được xây dựng với diện tích đất khu Giảng đường, 8.450 m², các sân Thể thao, nhà tập luyện: 53.702 m², Khu làm việc: 3.143 m²; khu thí nghiệm 2.274 m², Thư viện 1.462 m²; khu ký túc xá: 5.948 m²; khuôn viên, đường, vườn cây: 50.012 m². Với diện tích đất là 124.000 m² nhưng diện tích sử dụng trực tiếp cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học chỉ có khoảng 72.738 m² chiếm tỉ lệ: 58.66% tổng diện tích đất. Bình quân mỗi sinh viên có diện tích học tập và sinh hoạt là 13.09 m². Tại phường 5, quận 11, TP. HCM nhà trường có 417 m² đất hiện nay đang làm nhà để xe ô tô.

Dụng cụ, trang thiết bị phục vụ các môn thực hành đảm bảo theo đề nghị và quy mô đào tạo cho tất cả các chuyên ngành. Tuy nhiên định mức còn thấp nên chất lượng các dụng cụ trang thiết bị chất lượng chưa cao, chỉ mới dừng lại ở việc đáp ứng yêu cầu đủ để dạy và tập luyện. Trang thiết bị máy móc phục vụ thí nghiệm, thực hành thực tập ở nhiều Khoa, Bộ môn vừa thiếu, vừa lạc hậu, đặc biệt là các thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học đã lạc hậu nhiều so với thị trường ngoài và chưa đáp ứng được việc nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc đổi mới phương pháp, đổi mới nội dung theo hướng hiện đại, tiên tiến

Sau một thời gian dài khai thác và sử dụng, đến nay nhiều hạng mục công trình được xây dựng cách nay hơn 60 năm, đã có hiện tượng xuống cấp hoặc không đủ công suất để phục vụ cho nhu cầu và qui mô về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thể dục thể thao trình độ đại học, sau đại học, tổ chức các hoạt động khoa học, công nghệ, truyền thông và thông tin trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM là đơn vị trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ngoài các khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp hỗ trợ bảo đảm hoạt động thường xuyên, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM còn có các khoản thu theo quy định hiện hành, gồm: thu học phí giáo dục và đào tạo, thu lệ phí tuyển sinh và các khoản thu hợp pháp khác (như thu lệ phí cấp văn bằng, chứng chỉ, thu lệ phí nội trú, thu từ các hợp đồng nghiên cứu khoa học, liên kết đào tạo, thu nhập từ các hoạt động chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng dịch vụ, thu thanh lý tài sản, thu các khoản ủng hộ, tài trợ, qua tặng của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước...)

Trường là đơn vị dự toán cấp 1, được phân bổ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước, tự chủ một phần chi thường xuyên theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trường thực hiện chính sách học phí theo Nghị định 81/2020/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Bên cạnh đó, Trường có thêm nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật. Tổng thu từ học phí sinh viên hệ chính quy trong 2 năm gần nhất khoảng 11-12 tỉ đồng và từ nguồn thu khác từ 47-48 triệu đồng.

Nhìn chung, thực trạng cơ sở vật chất đang xuống cấp ở một số hạng mục, đặc biệt là khu giảng đường, khu làm việc, các sân bãi tập luyện, các trang thiết bị tập luyện, thư viện, viện nghiên cứu KHCN TĐTT; các máy móc phục vụ cho công tác đã lỗi thời, hư hỏng. Phần mềm quản trị nhà trường, hệ thống E-Office chưa được triển khai; thư viện điện tử và cơ sở dữ liệu của trường chưa được xây dựng hoàn chỉnh và vận hành. Tổng thu của trường hàng năm trong giai đoạn 2015 - 2020 giảm dần trong khi đó chi thường xuyên phải đảm bảo theo từng năm.

6. Thực trạng công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng

Do tính chất đặc thù, công tác khảo thí có sự kết hợp giữa phòng chức năng, các khoa, các bộ môn để tổ chức thi các học phần lý thuyết và thực hành đúng quy định. Thi lý thuyết tổ chức thi với hình thức đa dạng như tự luận, bài tiểu luận, trắc nghiệm khách quan, thi thực hành theo đặc thù của môn thể thao.

Từ năm 2015 đến 2020, Đối với công tác kiểm định: các đơn vị trong Trường ít còn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình của bộ Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008. Trong quá trình sử dụng các thủ tục quy trình giải quyết công việc theo Tiêu chuẩn ISO, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường đã lưu trữ hồ sơ theo quy trình và cũng đã tiến hành cải tiến một số việc không phù hợp trong quá trình thực hiện. Trong giai đoạn này, Nhà trường đã tiến hành triển khai công tác tự đánh giá trong toàn trường.

- Đã thành lập hội đồng tự đánh giá, Trường và các tổ chuyên trách thu thập hồ sơ minh chứng theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đại học, ban hành kèm theo Công văn 768/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học với 25 tiêu chí và 111 tiêu chí.

- Nhà trường đã ký kết với bên tư vấn là Trung tâm Khảo thí và kiểm định Đại học Quốc gia Tp.HCM. Bên đối tác đã tư vấn chuẩn bị các ô sơ minh chứng và tập huấn về công tác kiểm định cho toàn trường. Bước đầu các đơn vị đã tiến hành khôi phục hồ sơ theo yêu cầu và đến giai đoạn hiện tại Nhà trường đã ký kết hợp tác với bên tư vấn là Trung tâm Kiểm định chất lượng GDĐH Đại học Đà Nẵng và các nhóm chuyên trách đã tập trung khôi phục hồ sơ minh chứng và đã viết bản thảo tự đánh giá chất lượng giáo dục theo từng tiêu chuẩn được phân công.

- Trường thường xuyên tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham gia đầy đủ đúng thành phần, đảm bảo chất lượng.

- Tham gia trả lời, góp ý các vấn đề liên quan đến kiểm định chất lượng giáo dục có chất lượng, đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Thực trạng truyền thông và quảng bá thương hiệu

Trường đã xây dựng website để đăng tải thông tin hoạt động từ Nhà trường và ứng dụng facebook để tạo bản tin thường xuyên đối với hoạt động tuyển sinh và hoạt động đoàn, hội sinh viên. Các phần mềm quản lý đào tạo, quản lý sinh viên được ứng dụng khá hạn chế, chưa có hệ thống e-office để quản trị nhà trường, chưa xây dựng chiến lược tiếp thị, quảng bá và phát triển thương hiệu của trường.

8. Đánh giá các mục tiêu cụ thể đạt được của chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2014 - 2020.

1) Đánh giá việc thực hiện các chương trình hành động:

Trong giai đoạn 2014 – 2020, Nhà trường đã thực hiện chiến lược bằng các chương trình hành động cụ thể như: triển khai xây dựng giảng đường A5; triển khai sửa chữa ký túc xá; hoàn thành dự án xây dựng Viện Khoa học và công nghệ TĐTT; hoàn thành dự án xây dựng Trường phổ thông năng khiếu thể thao Olympic; hoàn thành dự án xây dựng nhà tập đa năng và hoàn thành dự án tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học bằng cách thành lập thêm một đơn vị mới, đó là Tạp chí khoa học và đào tạo TĐTT.

Trong giai đoạn này, còn một vài dự án chưa hoàn thành như Dự án Tin học hóa công tác quản lý trong tất cả mọi hoạt động của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM. Dự án này chỉ mới trang bị máy tính và phần mềm quản trị các lĩnh vực của thuộc chức năng, nhiệm vụ của trường nhưng chưa vận hành một cách triệt để vì cơ sở dữ liệu chưa đủ, thủ tục quy trình giải quyết công việc chưa xây dựng hoàn thiện Dự án xây dựng thư viện điện tử và hệ thống đào tạo e-Learning chưa được thực hiện.

2) Đánh giá các mục tiêu đạt được đến năm 2020:

Bảng 8. Đánh giá các mục tiêu cụ thể đạt được trong giai đoạn năm 2014 - 2020

TT	Mục tiêu cụ thể	Đánh giá và nhận định
1.	Đào tạo cán bộ trình độ đại học và sau đại học có kiến thức chuyên môn cao, kỹ năng giỏi, có năng lực nghiên cứu, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng được xu thế phát triển của xã hội.	Đạt
2.	Chuyển đổi các chương trình đào tạo theo hương chương trình tiên tiến (50% chương trình đào tạo đạt chuẩn chương trình đào tạo tiên tiến), đào tạo từ xa, bằng 2, liên	Chưa đạt vì chưa tiến hành kiểm định cơ sở đào tạo và cũng chưa kiểm định chương trình đào tạo

	thông, chứng chỉ nghề, liên kết đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước, năm 2020:	của 4 ngành.
3.	100% các môn học có giáo trình, 100% sinh viên và giảng viên sử dụng thư viện điện tử.	Chưa đạt vì hiện các khoa chuyên môn vẫn sử dụng giáo trình cũ, các giáo trình được xuất bản trong giai đoạn này không nhiều; thư viện điện tử chưa xây dựng, hệ thống cơ sở dữ liệu của trường chưa được xác lập hoàn chỉnh.
4.	Đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ: từ 2016 - 2020 tỷ lệ tăng quy mô đào tạo 15%/năm.	Chưa đạt vì quy mô về số lượng thạc sĩ và tiến sĩ giảm dần qua từng năm.
5.	Đào tạo cử nhân từ 2016-2020 tăng 5%/năm .	Chưa đạt vì quy mô về số lượng sinh viên giảm dần qua từng năm.
6.	Đào tạo Đại học: 5 ngành (2016 - 2020)	Chưa đạt vì hiện nay Trường chỉ đào tạo 4 ngành và chưa xây dựng thêm ngành đào tạo mới.
7.	Đào tạo Thạc sĩ 3 ngành (2014-2020)	Chưa đạt vì hiện nay Trường chỉ đào tạo 1 ngành và chưa xây dựng thêm ngành đào tạo mới.
8.	Đào tạo Tiến sĩ 2 ngành (2014-2015), 3 ngành (2016-2020)	Chưa đạt vì hiện nay Trường chỉ đào tạo 1 ngành và chưa xây dựng thêm ngành đào tạo mới.
9.	Đào tạo vận động viên: Xây dựng được quy trình công nghệ đào tạo vận động viên, tạo sự đột biến trong thành tích thể thao; Thực hiện hệ thống tổ chức tuyển chọn vận động viên; xây dựng chương trình đào tạo dài hạn, các vận động viên tài năng của 10 môn thể thao nhóm 1, mức tăng 10% số lượng vận động viên cho từng năm tiếp theo.	Chưa đạt.
10.	Công tác NCKH: Số công trình nghiên cứu được các Bộ, ngành, địa phương công nhận tăng dần hàng năm; Hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.	Đạt vì số công trình nghiên cứu, các bài báo trong và ngoài nước đều tăng.
11.	Phát triển nguồn nhân lực: 350 cán bộ, viên chức, trong đó giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ: 298 người chiếm tỉ lệ 85%; Đến	Chưa đạt vì số viên chức, người lao động giảm dần theo từng năm; hiện nay

	năm 2020: 100% giảng viên và nghiên cứu viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh.	viên chức có văn bằng 2 ngôn ngữ Anh chiếm tỷ lệ cao. Tiến sĩ và Thạc sĩ tốt nghiệp trong nước hay nước ngoài đều đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Bộ GDĐT và của cơ sở đào tạo nước ngoài.
12	Phát triển hợp tác quốc tế: phần đầu từ nay đến năm 2020 thực hiện được 2 chương trình hợp tác về đào tạo và khoảng 10 chương trình hợp tác về nghiên cứu khoa học, tăng cường mở rộng các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên và sinh viên với nước ngoài; Đến năm 2020: 80% các khoa và 50% các trung tâm có chương trình hợp tác quốc tế.	Chưa đạt vì số lượng trình hợp tác chưa được ký kết và thực hiện có kết quả và hiện nay các khoa, viện, trường chưa có chương trình hợp tác quốc tế nào.
13	Phát triển cơ sở vật chất và tài chính: Đảm bảo cho sự phát triển các mục tiêu của Trường.	Chưa đạt vì giai đoạn này cơ sở vật chất xuống cấp, thu nhập của viên chức và người lao động chưa cao.
14	Phát triển quảng bá thương hiệu	Chưa đạt vì công tác quảng bá thương hiệu chưa xúc tiến mạnh mẽ trên các phương tiện truyền thông.
15.	Đảm bảo chất lượng đào tạo.	Chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội chưa cao, chưa kiểm định chất lượng cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo.

III. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

- Tổ chức bộ máy hiện tại đáp ứng cơ bản trước mắt, nếu ứng dụng công nghệ, định hướng phát triển theo hướng cơ sở đào tạo, huấn luyện hiện đại thì cần thiết đổi mới mô hình, cơ cấu tổ chức.

- Cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, song nhiều hạng mục xuống cấp cần sửa chữa và thay mới, cần đầu tư thêm trang thiết bị dụng cụ tập luyện và học tập.

- Nguồn thu chủ yếu bị hạn chế bởi số lượng tuyển sinh ngày càng khó khăn, các nguồn thu còn khiêm tốn. Cần xây dựng đề án sử dụng tài sản công, phát huy tính năng động trong các hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu cho Nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ Nhà trường tâm huyết, yêu nghề tuy nhiên mức thu nhập thấp do hạn chế nguồn thu đã ảnh hưởng đáng kể đến đời sống vật chất, tinh thần của họ.

- Công tác tuyển sinh đại học, cao học và nghiên cứu sinh ngày càng khó khăn, có xu hướng giảm những năm gần đây do sự thay đổi chính sách của nhà nước, sự thay đổi nhận thức của xã hội và cũng do nguyên nhân từ nội tại Nhà trường.

- Chương trình đào tạo từ đại học, đến thạc sĩ, tiến sĩ đã trải qua vòng đời khá lâu, cần cập nhật, phát triển chương trình theo hướng tiếp cận các nước phát triển. Tài liệu học tập và học liệu điện tử còn thiếu, chưa đáp ứng so với nhu cầu.

- Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng cần được đổi mới, nhất là phải tổ chức đánh giá ngoài để được công nhận kiểm định cơ sở giáo dục đại học.

- Hoạt động khoa học và hợp tác quốc tế cần được phát huy, đặc biệt là có cơ chế thu hút các nhà khoa học, liên kết với các đối tác mạnh, duy trì đối tác truyền thống, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo và khoa học, công nghệ.

- Truyền thông hiện tại còn khá yếu, cần có chiến lược truyền thông để thu hút người học và các dịch vụ khác cũng như quảng bá Nhà trường.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiện tại chỉ dừng mức cơ bản, cần trang bị thêm hệ thống máy tính, phần mềm để xây dựng quản trị đại học theo hướng hiệu quả, minh bạch và tạo thuận lợi cho người học.

- Nguồn lực con người cần được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị đại học, đổi mới chương trình giáo dục và tăng tính tự chủ đi đôi với nâng cao trách nhiệm giải trình.

PHẦN THỨ HAI:

BỐI CẢNH, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2026 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. BỐI CẢNH QUỐC TẾ

Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt; cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Tình hình thế giới cũng như khu vực được dự báo có những biến đổi khó lường về ngoại giao, chính trị cũng như kinh tế, xã hội. Những biến đổi đó đã tác động mạnh mẽ, ảnh hưởng to lớn đến sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đang phát triển.

Xu thế cạnh tranh dẫn ra gay gắt giữa các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia siêu cường, trong việc tìm kiếm, mở rộng thị trường. Việc kết hợp giữa cạnh tranh và hợp tác để bảo vệ lợi ích giữa các nhóm nước và của mỗi quốc gia cũng diễn ra trên toàn cầu. Quá trình hội nhập quốc tế tác động toàn diện, vừa tạo ra các cơ hội mới, vừa là thách thức đối với từng quốc gia, trong đó các quốc gia đang phát triển có cơ hội thực hiện “đi tắt, đón đầu” nhưng cũng đứng trước nguy cơ tiếp tục tụt hậu và gia tăng khoảng cách với các quốc gia phát triển.

Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục quá trình tái cơ cấu, phục hồi và tăng trưởng trở lại. Theo dự báo, tăng trưởng trung bình của kinh tế thế giới từ nay đến năm 2050 là 3%/năm; quy mô nền kinh tế thế giới sẽ gấp đôi vào năm 2037. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được thúc đẩy bởi tăng trưởng dân số, tiến bộ công nghệ, tự do hóa thương mại giữa các nước và quá trình đô thị hóa. Tương quan sức mạnh kinh tế tiếp tục thay đổi. Cạnh tranh kinh tế ngày càng phức tạp. Các nước lớn cạnh tranh nhằm tập hợp lực lượng ngày càng quyết liệt thông qua đẩy mạnh các sáng kiến liên kết kinh tế.

Toàn cầu hóa tiếp tục đóng vai trò là xu thế chủ đạo. Quá trình liên kết khu vực diễn ra mạnh mẽ, điển hình là châu Á - Thái Bình Dương. Xu hướng kết hợp các hiệp định FTA nhằm tận dụng tối đa lợi ích thương mại có chiều hướng phát triển mạnh. Các hình thức hội nhập kinh tế khác như hội nhập tiểu vùng và hội nhập xuyên biên giới diễn ra song song. Cộng đồng kinh tế ASEAN hình thành; việc tự do di chuyển vốn, con người, hàng hóa sẽ trở thành hiện thực cuối thập kỷ này.

Sự phát triển của khoa học công nghệ tiếp tục tái định hình nền kinh tế toàn cầu. Khoa học công nghệ phát triển, vượt bậc trong một số lĩnh vực, điển hình là công nghệ thông tin, công nghệ chế tạo và tự động mới (như công nghệ in 3 chiều); phát triển năng lượng mặt trời; SMAC (mạng xã hội, di động, phân tích dữ liệu và điện toán đám mây); công nghệ sinh học; thương mại điện tử; sự phát triển các hệ thống tiên tiến. Thay đổi về công nghệ góp phần làm tăng hiệu suất nhưng cũng là thách thức đối với nhiều lĩnh vực.

Thế giới trong những năm tới dự báo tiếp tục phải đối phó với nhiều vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh năng lượng, lương thực, nguồn nước, an ninh mạng, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, vấn đề người di cư. Bên cạnh đó, dân số thế giới tăng và cơ cấu dân số thay đổi; quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, mạnh, đặc biệt các nước đang phát triển, tiếp tục đặt ra thách thức về công ăn việc làm, đảm bảo phúc lợi, phát triển hệ thống an sinh xã hội, tiếp cận chăm sóc y tế, giáo dục, văn hóa xã hội và thể dục, thể thao.

Trong lĩnh vực thể thao, quá trình hội nhập quốc tế cũng tạo ra nhiều tác động kể cả tích cực lẫn tiêu cực đối với các nền thể thao chưa phát triển. Tác động tích cực là tạo ra nhiều cơ hội để đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương nhằm tranh thủ nguồn vốn đầu tư, sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các quốc gia có nền thể thao phát triển. Song bên cạnh đó cũng có tác động tiêu cực mà điển hình là việc nhập tịch vận động viên, khiến các quốc gia không sử dụng vận động viên nhập tịch như Việt Nam gặp nhiều bất lợi trong quá trình cạnh tranh thành tích. Xu hướng chung là Chính phủ các nước ngày càng quan tâm đến TDTT, coi phát triển TDTT là một trong những chính sách xã hội để góp phần duy trì sức khỏe người dân, phòng chống bệnh tật, giảm thiểu chi phí cho y tế và xây dựng một xã hội lành mạnh, tích cực. Thứ hạng, thành tích thể thao tại các kỳ đại hội, sự kiện thể thao quan trọng không chỉ đóng vai trò đơn thuần là thành tích thể thao mà còn là hình ảnh, vị thế đất nước. Ngày càng có sự đua tranh gay gắt giữa các quốc gia về thành tích thể thao tại các kỳ Olympic và các sự kiện thể thao lớn. Các quốc gia đều tăng cường những biện pháp nhằm nhanh chóng nâng cao thành tích thể thao, như đầu tư trọng điểm cho các môn thể thao mũi nhọn; sử dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong đào tạo vận động viên, sử dụng các bí quyết về dinh dưỡng, thuốc bổ trợ, nhập tịch vận động viên, áp dụng các chính sách đãi ngộ mức cao đối với vận động viên.....

Cùng với sự phát triển bùng nổ về truyền thông, hoạt động thể thao ngày càng có xu hướng gắn bó chặt chẽ với truyền thông, trở thành đối tượng nhận được sự quan tâm đặc biệt của các phương tiện truyền thông. Nhiều môn, loại hình thể thao đã chuyển mạnh theo hướng thể thao nhà nghề, thể thao chuyên nghiệp, thậm chí trở thành một ngành dịch vụ thu hút đầu tư, mang lại tỷ suất sinh lợi tốt. Thể thao đã thực sự trở thành một ngành “*công nghiệp không khói*” nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là tại các quốc gia phát triển. Do vậy, cần sử dụng nguồn nhân sự được đào tạo bài bản, có chuyên môn cao ở các cơ sở đào tạo ngành thể dục, thể thao ở các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

II. BỐI CẢNH TRONG NƯỚC

1. Xu thế phát triển các lĩnh vực kinh tế xã hội, khoa học công nghệ liên quan đến các hoạt động chuyên môn của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM

1) Về kinh tế xã hội

Nước ta đang chứng kiến thay đổi nhanh về cơ cấu dân số và xã hội. Dân số Việt Nam dự báo sẽ tăng lên 120 triệu người vào năm 2050. Việt Nam đã

chuyên qua thời kỳ cơ cấu "dân số vàng", với tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm đa số, song quá trình già hóa dân số bắt đầu dần ra. Tăng trưởng kinh tế, đô thị hóa và dân số tăng nhanh đặt ra những thách thức ngày càng lớn về phát triển hạ tầng, an sinh xã hội, quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm. Các yếu tố an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... dự báo diễn biến khó lường, ngày càng tác động, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống.

Dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus SARS-CoV 2 (COVID-19) có thể sẽ tiếp tục phát sinh phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực trong những năm tới. Cuộc sống hiện đại làm thay đổi thói quen sinh hoạt, làm gia tăng các loại bệnh không lây nhiễm (béo phì, tim mạch, huyết áp, tiểu đường...). Nhu cầu tham gia các hoạt động TDTT nhằm phòng, tránh bệnh tật và duy trì sức khỏe của người dân tăng nhanh. Trong bối cảnh đó, ngành TDTT có thể tận dụng lợi thế của thời kỳ "dân số vàng", tăng trưởng kinh tế để đẩy nhanh quá trình phát triển, song cũng đứng trước nhiều sức ép lớn trong việc cung ứng các dịch vụ TDTT đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân.

Mục tiêu tổng quát của nền kinh tế Việt Nam đã được đề ra cho giai đoạn này là: *"Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả kinh tế cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc của xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau"*.

Tầm nhìn Việt Nam năm 2020 cũng đã xác định: *"Phấn đấu đến năm 2020 biến nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp. Hình thành một nền kinh tế phát triển năng động, tự chủ, đủ sức cạnh tranh, hội nhập các nước trong khu vực Đông Nam Á và thế giới"*.

2) Về khoa học công nghệ

Về khoa học tự nhiên và công nghệ, tầm nhìn 2020 đã chỉ rõ: *"Khoa học tự nhiên và công nghệ đạt tới trình độ trung bình của thế giới, có khả năng nắm bắt và vận dụng được những thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. Khoa học xã hội nhân văn có khả năng làm cơ sở cho việc xây dựng hình thái ý thức của xã hội mới"*.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội.

Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư ảnh hưởng sâu rộng đến tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Sự phát triển của internet và thương mại điện tử dẫn tới người tiêu dùng có thể dễ dàng tiếp cận với thương mại thế giới; người lao động có thể làm việc từ xa, làm việc mọi lúc mọi nơi nhưng cũng đồng nghĩa với việc lệ thuộc nhiều hơn vào máy tính và môi trường internet. Nhờ vào sự phát triển bùng nổ của internet và truyền thông đa phương tiện, các hoạt

động thi đấu thể thao dễ đến với người hâm mộ cũng như thể thao nói chung dễ trợ nên nên phổ cập hơn. Song bên cạnh đó, bùng nổ truyền thông cũng có thể làm cho người hâm mộ thể thao dễ dàng hơn trong tiếp cận các hoạt động thể thao nước ngoài, có thể khiến cho họ ít quan tâm hơn đối với thể thao trong nước. Trong hoạt động chuyên môn, việc ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 trong đào tạo, huấn luyện vận động viên, tổ chức thi đấu là xu thế tất yếu, quốc gia nào chậm tiếp cận công nghệ sẽ bị tụt hậu về thành tích thi đấu.

3) Về giáo dục đào tạo

Giáo dục - đào tạo đóng vai trò chủ yếu trong việc giữ gìn, kế thừa và phát triển những giá trị của thành tựu trong nền văn minh nhân loại. Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày nay, tri thức trở thành động lực chính của sự tăng tốc phát triển và giáo dục - đào tạo được coi là nhân tố quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia trên trường quốc tế và sự thành đạt của mỗi thành viên trong cuộc sống.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo nước ta đã tiến một số bước dài và phát triển. Đã đa dạng hóa các loại hình trường lớp và phương thức giáo dục. Quy mô đào tạo tăng nhanh, 95% dân cư từ 15 tuổi trở lên biết chữ, đào tạo được một lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật (khoảng 8 triệu người, chiếm 18,3% trong tổng số 43,8 triệu lao động trong cả nước).

Tại các kỳ Đại hội của Đảng, báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương liên tục khẳng định yêu cầu “*Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa...*” Đối với giáo dục đại học, báo cáo đã phác họa phương hướng phát triển là: mở rộng quy mô một cách hợp lý và nâng cao chất lượng đào tạo đại học kết hợp đào tạo mới và đào tạo lại, phát triển giáo dục và đào tạo đỉnh cao nhằm chọn lọc, xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học công nghệ và văn hóa, những nhà kinh doanh giỏi, đội ngũ công chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý khoa học có năng lực,... Đồng thời báo cáo cũng nhấn mạnh phương hướng nhiệm vụ: đổi mới giáo dục chuyên nghiệp và đại học, cơ cấu lại chương trình, lựa chọn lại nội dung có tính cơ bản, hiện đại, đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn lực có đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến.

Một trong những tiền đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là việc đảm bảo nguồn nhân lực có cơ cấu, chất lượng phù hợp với yêu cầu, đủ khả năng tiếp cận nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Là một trong những cơ quan đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực TĐTT chất lượng cao cho phía Nam, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM đang đứng trước những cơ hội to lớn, song đồng thời cũng đang đứng trước những thử thách không nhỏ.

Xu thế toàn cầu hóa: Về mặt kinh tế thì đang hình thành một nền kinh tế không biên giới, nhiều công ty đa quốc gia ra đời, trong đó có khá nhiều công ty trong lĩnh vực TĐTT và chiếm giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế thế giới. Mối quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu giữa các nước trên thế giới gia tăng nhanh, nhiều tổ chức chính phủ và phi chính phủ đã, đang và sẽ

tiếp tục mở rộng các mối quan hệ tốt đẹp đó. Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá cao về thành tích hợp tác quốc tế.

2. Phân tích các dự báo, định hướng chiến lược phát triển của nhà nước liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo:

Liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM, Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã liên tục khẳng định: *“Tiếp tục triển khai mạnh trong thực tiễn quan điểm phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; quán triệt sâu sắc hơn nữa ở các cấp, các ngành và trong toàn xã hội về vai trò động lực của các yếu tố văn hóa, xã hội đối với sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước...”*

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng đất nước ta thành một nước công nghiệp, có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh.

Dự báo trong thời gian tới, là sự tăng tốc rất nhanh của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và sự hình thành nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin. Việc áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ làm thay đổi nhanh chóng và sâu sắc đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. Những thành tựu đó đưa đến hệ quả trực tiếp là hình thành nền kinh tế tri thức, nó làm thay đổi cơ cấu kinh tế và lao động.

Giáo dục - Đào tạo là quốc sách hàng đầu. Đảng và nhà nước luôn quan tâm sâu sắc rằng giáo dục và đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển.

Xây dựng nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, khoa học, hiện đại, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo, giảm bớt sự cách biệt giữa các vùng và các tầng lớp dân cư. Phát triển giáo dục và đào tạo gắn liền với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng an ninh.

Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của nhà nước và của toàn dân, kết hợp giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

Tại Đại hội lần thứ VIII của Đảng, báo cáo nhấn mạnh: *“Đổi mới giáo dục chuyên nghiệp và đại học, cơ cấu lại chương trình, lựa chọn lại nội dung có tính cơ bản, hiện đại, đổi mới phương pháp giáo dục và đào tạo, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn lực có đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến”*.

Với việc thực hiện các mục tiêu phát triển này, tỷ lệ người biết chữ sẽ được nâng lên từ 89% hiện nay lên 97% vào năm 2020, tỷ lệ người lao động

được đào tạo từ 12% hiện nay lên 50% và tỷ lệ người có trình độ đại học trên 1000 dân từ 95 hiện nay lên 150 vào năm 2020.

III. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Một trong những tiền đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là việc đảm bảo nguồn nhân lực có cơ cấu, chất lượng phù hợp với yêu cầu, đủ khả năng tiếp cận nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Là một trong những cơ quan đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực về khoa học công nghệ và khoa học TDTT cho phía Nam, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM đang đứng trước những cơ hội to lớn, song đồng thời cũng đang gặp những thách thức không nhỏ.

1. Cơ hội

- Sự tăng tốc của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại 4.0, nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin định hình trong vài thập niên tới cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước diễn ra trong 20 năm đầu thế kỷ XXI đang đề ra nhu cầu cũng như tạo điều kiện cho giáo dục phát triển. Chưa bao giờ nguồn lực con người được đề cao và giáo dục đào tạo có thời cơ thuận lợi để phát triển như hiện nay.

- Quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa và các hoạt động khác là một thời cơ mới cho giáo dục đào tạo nước ta vươn lên đạt các chuẩn mực khu vực và quốc tế, thúc đẩy Trường ta cần nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng thời tạo thêm nguồn lực bổ sung về thông tin, tri thức, chuyên gia, tài chính để nâng cao trình độ giáo dục đào tạo nước nhà, rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Thể dục, thể thao cơ bản đã hòa nhập với xu thế chung của phong trào thể thao thế giới, thể hiện ở các hoạt động: cải tiến hệ thống thi đấu quốc gia phù hợp với hệ thống giải thể thao quốc tế; bước đầu có sự kết hợp của Nhà nước và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về thể dục, thể thao trong quản lý, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao; hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật thể dục, thể thao đã được cải thiện nhiều cả về số lượng và chất lượng; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học, công nghệ và y học thể thao có bước chuyển biến đột phá. Chính phủ chủ trương chỉ đạo công tác thể dục thể thao chú trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành trong giai đoạn 10 năm tới, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia vững về tư tưởng, giỏi nghiệp vụ và đội ngũ giáo viên cho giáo dục thể chất và thể thao nhà trường.

2. Thách thức

Về phía Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM, mặc dù đã đạt được nhiều thành tích lớn và phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, song thực sự vẫn chưa hoàn toàn theo kịp nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực cho toàn vùng. Cũng như các trường đại học khác, đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu của Trường còn gặp một số khó khăn nhất định cả trong công tác và đời sống. Mặc dù nhu cầu việc làm trong các lĩnh vực TDTT tăng rất cao với nhiều loại hình kinh tế (trong và ngoài nước) với mức thu nhập khá cao, nhưng

vẫn còn một số sinh viên học TDTT ra trường đã tìm cách để được làm việc tại thành phố, thậm chí làm những công việc trái với chuyên môn đã được đào tạo. Trong khi nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ cử nhân cho các địa phương rất lớn. Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM đang đứng trước yêu cầu đòi hỏi hết sức bức thiết về sự phát triển cả về quy mô và đa dạng hóa các loại hình đào tạo cũng như việc không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay các ngành đào tạo của trường đang cạnh tranh với các trường khác trong cả nước tương đối cao, đặc biệt là ngành giáo dục thể chất, ngành đào tạo giáo viên, người học đang số đầu hướng đến các trường đại học sư phạm để thuận lợi trong việc hưởng chế độ học phí và sinh hoạt phí, đảm bảo công việc khi ra trường.

3. Vai trò của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.

Trong hệ thống giáo dục Việt Nam, Trường Đại học thể dục thể thao Tp.HCM có những vai trò chủ yếu sau đây:

1. Đào tạo đội ngũ cán bộ TDTT có trình độ đại học, sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) cho các tỉnh phía Nam và toàn quốc. Trong những năm sắp tới, Trường tiếp tục phát triển quy mô đào tạo và đào tạo lại.

2. Không ngừng tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ giáo dục trình độ thạc sĩ, tiến sĩ từ ngân sách nhà nước hoặc hợp tác song phương với các quốc gia trên thế giới...để làm nòng cốt cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tiếp cận với các phương pháp và kiến thức hiện đại.

3. Liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường đại học, viện nghiên cứu, các sở ban ngành, địa phương... nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực. Hiện tại, Trường vẫn đang tiếp tục duy trì và phát triển các quy hoạch, các đề tài nghiên cứu trong và ngoài nước.

PHẦN THỨ BA:
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HCM GIAI ĐOẠN
2021 - 2026 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM

- Xây dựng và phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM theo một lộ trình khoa học phù hợp với các điều kiện thực tiễn, đảm bảo tính dân tộc và hiện đại, có tầm nhìn tương lai. Xây dựng Trường cần xuất phát từ nhu cầu phát triển khách quan của xã hội, phải quán triệt mục tiêu, quan điểm, nội dung các Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam; Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam và Chiến lược phát triển TDTT Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2030. Trường là một cơ sở giáo dục để hiện thực hóa những nội dung quan trọng của các chiến lược, đề án trên.

- Xây dựng nhà trường phải đặt nhà trường vào vị trí trong thời kỳ phát triển của xã hội, phải xuất phát từ nhu cầu xã hội, coi nhà trường là một bộ phận trong hệ thống giáo dục Việt Nam, là nhân tố thực hiện sứ mạng, mục tiêu giáo dục Việt Nam đến năm 2030.

- Trong quá trình hội nhập quốc tế phải bảo đảm các quy định, nguyên tắc đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phải bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam, phát huy truyền thống, giá trị của nhà trường.

- Phát triển nhà trường cần có trọng điểm, muốn có sự cạnh tranh để phát triển cần coi trọng đổi mới quản lý, xác định những nhiệm vụ trọng điểm từ đó ưu tiên đầu tư có hiệu quả. Các giải pháp phát triển nhà trường phải tập trung vào vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo với khâu đột phá cơ bản là nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

- Xây dựng và phát triển Trường trên cơ sở nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Trường. Trong quá trình triển khai chiến lược đòi hỏi phải có sự sáng tạo, linh hoạt, vận dụng tổng hợp nhiều yếu tố, tác động hỗ trợ lẫn nhau.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM tiếp tục xây dựng, phát triển thành một Trường đại học đa ngành; đào tạo VĐV, HLV, cán bộ TDTT; có chất lượng đào tạo, nghiên cứu, chuyên gia khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế sánh vai với các trường đại học tiên tiến trong khu vực và châu lục; tiếp tục khẳng định thương hiệu, giữ vững uy tín, thể hiện vai trò đóng góp tích cực và có hiệu quả cao vào sự nghiệp giáo dục đào tạo, vào sự phát triển của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, và vào quá trình phát triển kinh tế xã hội của phía Nam và cả nước. Từng bước xây dựng Trường thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu.

2. Mục tiêu cụ thể

Để đạt được các mục tiêu chung như trên, Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM xây dựng các mục tiêu cụ thể như sau:

1) Đối với công đào tạo: Phấn đấu từng bước phát triển các chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và bồi dưỡng theo hướng cập nhật tri thức khoa học hiện đại, đáp ứng nhu cầu xã hội và sự hài lòng của các bên liên quan; tăng quy mô đào tạo ở các ngành, các bậc đào tạo; mở các ngành và chuyên ngành thích ứng với xu thế phát triển của xã hội; chất lượng đào tạo của từng ngành, từng bậc học ngày càng nâng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội, khẳng định thương hiệu và triết lý giáo dục của nhà trường.

2) Tăng cường công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035 theo Quyết định 223/QĐ-TTg ngày 22/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Đào tạo VĐV tài năng thể thao, gắn kết đào tạo các tuyển, các lớp kế cận, có kỹ năng giỏi, có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng được xu thế phát triển thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp trong từng giai đoạn.

3) Từng bước xây dựng Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM thành trường đại học theo định hướng nghiên cứu; phấn đấu trở thành một trong những trung tâm nghiên cứu khoa học về lĩnh vực TDTT hàng đầu của Việt Nam. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện của giáo dục đại học.

4) Củng cố và mở rộng hợp tác đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ với các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, đạt chuẩn giáo dục đại học tiên tiến; đồng thời tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho khu vực và thế giới.

5) Từng bước tạo môi trường học tập thuận lợi, an toàn nhằm nâng cao chất lượng; nâng cao chất lượng tài liệu giảng dạy, học cụ, thiết bị tập luyện; nâng cao các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn việc làm; nâng cao vai trò, vị thế của người học cùng phát triển Nhà trường.

6) Từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức theo quy định nhưng hiệu quả công việc cao; quy trình giải quyết công việc rõ ràng, minh bạch, giảm đầu mối, tiến đến một cửa; Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý của nhà trường đầy đủ theo quy định.

7) Phấn đấu phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, cán bộ quản lý và phục vụ đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy, phục vụ và quản lý tiên tiến, chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ xã hội.

8) Từng bước trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đặc biệt là phù hợp theo nhu cầu xã hội.

9) Phấn đấu đảm bảo kinh phí cần thiết cho việc hoàn thành sứ mạng, mục tiêu và mô hình phát triển của nhà trường; đảm bảo kinh phí cần thiết cho quá trình đào tạo với quy mô đào tạo đại học và sau đại học hệ chính quy tăng hàng năm; Quy mô các hợp đồng đào tạo liên kết với các địa phương tương xứng với quy mô đào tạo đại học tại trường. Chủ động thực hiện đa dạng hóa

nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu và triển khai, chuyển giao công nghệ, các hoạt động dịch vụ, sản xuất và nguồn vốn huy động khác.

10) Tăng cường quảng bá thương hiệu nhằm tăng cường sự hiểu biết của xã hội về Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM với nhiều lĩnh vực: đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ xã hội khác nhằm thu hút được người học, nhiều khách hàng, nâng cao uy tín của nhà trường trong xã hội.

11) Thực hiện triết lý giáo dục của Trường là *chất lượng cao tạo nên giá trị bền vững*; đáp ứng nhu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo; kiểm định chất lượng của cơ sở giáo dục đại học, tiến đến kiểm định các chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ GDĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục đại học, ban hành kèm theo Công văn 768/QLCL-KĐCLGD về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học với 25 tiêu chí và 111 tiêu chí.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRƯỜNG GIAI ĐOẠN NĂM 2021 – 2026, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 20230

1. Phát triển đào tạo đại học và sau đại học

- Xây dựng chiến lược tiếp thị thể thao trong công tác tuyển sinh ở các bậc đào tạo; đa dạng hóa các hoạt động tuyển sinh; xúc tiến quảng bá thương hiệu của tập thể, cá nhân thuộc trường quản lý một cách mạnh mẽ. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2024 có chiến lược tiếp thị thể thao trong công tác tuyển sinh được phê duyệt; Thành lập ban tuyển sinh với chế độ làm việc cả năm; Đến năm 2023, thành lập ban xúc tiến hoạt động hợp tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân sự trong lĩnh vực thể dục, thể thao và ký kết hợp tác với các đối tác ở địa phương. Từng năm, ký kết trên 3-5 đối tác về hoạt động này; Tuyển sinh Đại học đạt chỉ tiêu 500-600SV/năm; Tuyển sinh Cao học đạt chỉ tiêu 100-120HV/năm; Tuyển sinh NCS đạt chỉ tiêu 10-15NCS/năm.

- Cải tiến, phát triển chương trình đào tạo các ngành ở bậc cử nhân. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2026, 100% chương trình đào tạo bậc cử nhân được cải tiến, phát triển theo nhu cầu của xã hội. Các nội dung giảng dạy cho từng chương trình điều được cập nhật mới.

- Cải tiến và phát triển chương trình đào tạo sau đại học. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2026, 100% chương trình đào tạo bậc thạc sĩ, tiến sĩ được cải tiến, phát triển theo nhu cầu của xã hội. Các nội dung giảng dạy cho từng chương trình điều được cập nhật mới.

- Xây dựng chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp cho từng ngành đào tạo bậc cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2026, 100% chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp của từng chương trình đào tạo bậc cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ được ban hành đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Các chương trình đào tạo ở các ngành, các bậc học đều được kiểm định chất lượng. Chỉ tiêu KPIs: Phần đầu đến năm 2026 có 50% chương trình đào tạo được kiểm định và đến năm 2030 có 100 % chương trình ở các bậc học, các ngành đều được kiểm định.

- Mở rộng các ngành đào tạo đại học theo nhu cầu xã hội. Chỉ tiêu KPIs: Định hướng đến năm 2026, hoàn thành đề án xin mở ngành: Kinh tế thể thao; Thể thao giải trí; Thể thao du lịch; Truyền thông thể thao; Công nghiệp thể thao...
- Mở rộng các ngành đào tạo sau đại học. Chỉ tiêu KPIs: Phần đầu tăng số ngành đào tạo ở bậc sau đại học giống như các ngành đào tạo đại học.
- Mở rộng các môn thể thao chuyên ngành của từng ngành theo nhu cầu của xã hội. Chỉ tiêu KPIs: Định hướng đến năm 2026, phần đầu mở thêm môn thể thao chuyên ngành như: Thể thao biển; Gym Fitness; Yoga; Golf; Võ MMA...; tăng cường đào tạo các môn thể thao đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Phần đầu xây dựng cơ sở vật chất phục vụ tốt cho đổi mới phương pháp dạy và học. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2024 xây dựng mạng lưới thông tin, thư viện và thư viện điện tử; 100% phòng học có mạng wifi vừa tổ chức dạy trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
- Phần đầu hoàn thiện hệ thống học liệu. Chỉ tiêu KPIs: Vào năm 2026: 100% các môn học có giáo trình; 100% sinh viên và giảng viên sử dụng thư viện điện tử.
- Đa dạng hóa các phương thức đào tạo. Chỉ tiêu KPIs: Đào tạo từ xa, văn bằng 2, liên thông, chứng chỉ nghề, liên kết đào tạo với các cơ sở trong và ngoài nước; hình thức giảng dạy kết hợp trực tiếp và trực tuyến.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá. Chỉ tiêu KPIs: Mỗi năm có 25% giảng viên được tập huấn về phương pháp giảng dạy; tổ chức hội thảo về phương pháp học tập cho sinh viên 1-2 lần/năm; Đến năm 2025, 100% giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm.
- Phần đầu tăng quy mô đào tạo. Chỉ tiêu KPIs: Giai đoạn 2026-2030 tăng quy mô đào tạo đại học và sau đại học.
- Xây dựng các chương trình đào tạo sinh viên quốc tế. Chỉ tiêu KPIs: 10% chuyên ngành có khả năng thu hút người nước ngoài đến học tập và giảng dạy vào năm 2026. Đến năm 2030 đạt 30%.
- Tin học hóa trong quản lý đào tạo, sử dụng phần mềm quản lý đào tạo. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2024 hệ thống phần mềm quản lý đào tạo được triển khai ứng dụng.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ qua đó nâng cao chất lượng đào tạo. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2024, xây dựng dự án nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với đào tạo và bồi dưỡng kiến thức; Hàng năm mở 2 lớp bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên; Hàng năm tổ chức ít nhất 1-2 cuộc hội thảo các cấp: khoa, trường, quốc gia, quốc tế.
- Tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo. Chỉ tiêu KPIs: Liên kết đào tạo với nước ngoài; nhập khẩu có chọn lọc chương trình, giáo trình tiên tiến nước ngoài; liên kết đào tạo theo kiểu liên thông, hoặc trao đổi sinh viên với các

trường đại học nước ngoài; cử người đi học thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài, chú trọng bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ trong khuôn khổ các dự án...

- Đào tạo đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2024, hoàn thiện và thực hiện Đề án đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý trình độ cao.

- Tăng cường giám sát hoạt động giảng dạy của giảng viên. Chỉ tiêu KPIs: Thành lập bộ phận thanh tra giáo dục; 100% các môn học được tổ chức giảng dạy có sự giám sát của thanh tra giáo dục.

2. Giải pháp phát triển đào tạo vận động viên tài năng

- Xây dựng Quy trình hóa công nghệ tuyển chọn và huấn luyện. Chỉ tiêu KPIs: Xây dựng được quy trình công nghệ đào tạo VĐV, tạo sự đột biến trong thành tích thể thao.

- Thực hiện hệ thống tổ chức tuyển chọn VĐV; xây dựng chương trình đào tạo dài hạn. Chỉ tiêu KPIs: Các VĐV tài năng của 10 môn thể thao loại 1. Mức tăng 10% số lượng VĐV cho từng năm tiếp theo.

- Đầu tư, cải tạo, sửa chữa nâng cấp các cơ sở hiện có, trang thiết bị hiện đại. Chỉ tiêu KPIs: Trang thiết bị tập luyện; sân bãi tập luyện; các điều kiện đảm bảo cho việc đào tạo VĐV tài năng.

- Xúc tiến ký kết hợp tác với các địa phương, các đơn vị tổ chức nuôi dưỡng và huấn luyện VĐV các tuyến năng khiếu, đội trẻ, đổi tuyển tỉnh, thành, ngành. Chỉ tiêu KPIs: Đến năm 2026 ký kết trên 10 đối tác và tổ chức nuôi dưỡng, huấn luyện VĐV thể thao ở 10 môn thể thao trọng điểm.

3. Giải pháp phát triển nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng chương trình và kế hoạch nghiên cứu của từng nhóm ngành. Chỉ tiêu KPIs: Xác định các chương trình nghiên cứu khoa học; thành lập các nhóm nghiên cứu sâu cho từng lĩnh vực khoa học thể dục, thể thao.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và xây dựng cơ chế chính sách thu hút cán bộ có trình độ cao từ các cơ quan bên ngoài tham gia nghiên cứu khoa học. Chỉ tiêu KPIs: Hàng năm 100% giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch kèm theo các giải pháp đấu thầu các đề tài nghiên cứu ở các địa phương, bộ. Chỉ tiêu KPIs: Kế hoạch đấu thầu các đề tài nghiên cứu các cấp; Hồ sơ năng lực nghiên cứu chuẩn bị đầy đủ. Mỗi năm trúng thầu ít nhất là 5 đề tài cấp bộ và tương đương trở lên.

- Từ nay đến năm 2023, các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường tập trung vào các hướng nghiên cứu có thế mạnh truyền thống của Trường và các ngành mũi nhọn. Chỉ tiêu KPIs: Mức tăng của quy mô đề tài nghiên cứu khoa học các cấp giai đoạn 2021-2026 tăng 30%, và giai đoạn 2026-2030 tăng lên 40%.

- Tăng số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế. Chỉ tiêu KPIs: Mức tăng của quy mô số lượng bài báo khoa học được xác định như sau: Giai đoạn 2021-2026 các bài báo đăng trên các tạp chí của Trường và hội thảo trong nước tăng 30% so với giai đoạn 2009-2014; Giai đoạn 2021-2026 tăng 30% so với giai đoạn 2015-2020. Riêng bài báo đăng trên tạp chí trong nước và nước ngoài, giai đoạn 2021-2026 tăng gấp 2 lần so với giai đoạn 2009-2014, giai đoạn 2021-2026 tăng gấp 3 lần so với giai đoạn 2015-2020. Tập trung nâng cao quy mô và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ để trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh của Việt Nam. Đến năm 2026, nguồn thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ đạt tối thiểu 15% tổng nguồn thu của nhà trường và 25% vào năm 2030.

- Gắn nghiên cứu với đào tạo, nghiên cứu với nhu cầu thực tế của xã hội. Chỉ tiêu KPIs: Phân đầu đến 2026, 100% các đề tài NCKH gắn liền với đào tạo và nhu cầu xã hội.

- Hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Chỉ tiêu KPIs: 100% chương trình hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước đều chuyển giao công nghệ.

4. Giải pháp phát triển hợp tác trong nước và quốc tế

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế. Chỉ tiêu KPIs: Phát triển thêm mới 2-3 đối tác ở quốc gia phát triển; phối hợp tổ chức 1-2 hội thảo khoa học; thực hiện trao đổi hợp tác quốc tế 2-3 đoàn.

- Tăng cường mở rộng các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên và sinh viên với nước ngoài. Chỉ tiêu KPIs: Mỗi năm có ít nhất 3 GV được đào tạo ở nước ngoài; khoảng 3 SV được cử đi học nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác.

- Xây dựng và đẩy mạnh các chương trình đào tạo tiên tiến bậc đại học và sau đại học với các viện, trường đại học có uy tín trên thế giới. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026 có ít nhất 50% chương trình tiên tiến.

- Đẩy mạnh bồi dưỡng tiếng Anh, tiếng Hoa cho đội ngũ quản lý và cán bộ giảng dạy. Chỉ số KPIs: Đến 2026: 100% cán bộ quản lý của Trường từ cấp Bộ môn trở lên đều có khả năng giao tiếp chuyên môn bằng tiếng Anh. Đến 2026: 100% giảng viên và nghiên cứu viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh hoặc tiếng Hoa.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế của tất cả các đơn vị trong. Chỉ số KPIs: Đến năm 2030: 60% các khoa, viện có chương trình xúc tiến hoạt động hợp tác quốc tế.

5. Giải pháp nâng cao công tác hỗ trợ người học

- Tạo môi trường học tập thuận lợi, an toàn gắn với việc cung cấp đa dạng dịch vụ tiện ích đáp ứng nhu cầu người học: môi trường, cảnh quan, an ninh, độ phủ sóng wifi, ký túc xá, cửa hàng tiện lợi, nhà ăn. Chỉ tiêu KPIs: Đến

năm 2025 - 2030 các dịch vụ, tiện ích đều được cung cấp đầy đủ theo nhu cầu của sinh viên và mức độ hài lòng của sinh viên từ mức 4.

- Tăng cường trao đổi người học giữa các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Thúc đẩy các chương trình trao đổi tín chỉ, công nhận văn bằng, chứng chỉ lẫn nhau giữa các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Chỉ tiêu KPIs: Hằng năm trong giai đoạn 2025-2030, Trường sẽ ký kết hợp tác trao đổi sinh viên 3 đoàn đến các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực TDTT trong nước và 2 đoàn nước ngoài để học hỏi, trao đổi học thuật; thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở đào tạo ngành TDTT trong nước về việc công nhận văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập của nhau.

- Tạo nhiều cơ hội cho sinh viên được tham gia học hỏi, trao đổi với các tổ chức thể thao, các tổ chức khác, các diễn đàn, hội thảo, giải thi đấu trong và ngoài nước. Chỉ tiêu KPIs: Hằng năm trong giai đoạn 2025-2030, Trường sẽ cử 10 đội sinh viên tham gia học hỏi, trao đổi và thi đấu.

- Tiếp tục biên soạn, nâng cao chất lượng và hoàn thiện đủ giáo trình các học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo. Chỉ tiêu KPIs: Hằng năm trong giai đoạn 2021-2030, Trường sẽ biên soạn và xuất bản 10% giáo trình phục vụ giảng dạy cho từng ngành và từng bậc đào tạo.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết để sử dụng các tài liệu tham khảo quốc tế. Chỉ tiêu KPIs: Hằng năm trong giai đoạn 2021-2030, Trường sẽ xúc tiến ký kết hợp tác trao đổi thông tin và khai thác cơ sở dữ liệu khoa học của nhau với các thư viện điện tử, thư viện sách, website khoa học trong lĩnh vực thể dục, thể thao, giáo dục và cận khoa học thể dục, thể thao và giáo dục của các đối tác truyền thống và đối tác mới.

- Đầu tư, bảo dưỡng các học cụ, thiết bị tập luyện phục vụ học tập và huấn luyện. Chỉ tiêu KPIs: Phấn đấu đến năm 2026, các trang thiết bị phục vụ giảng dạy của GV và học tập của sinh viên đảm bảo và mức độ hài lòng của sinh viên ở mức 4.

- Thành lập các câu lạc bộ, các đội nhóm, tạo điều kiện cho và người học phát huy năng lực và tài năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Chỉ tiêu KPIs: Phấn đấu đến năm 2024, các câu lạc bộ khoa học trẻ, câu lạc bộ ngoại ngữ, các câu lạc bộ ở các môn thể thao....được thành lập mới.

- Tăng cường kết nối doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên. Chỉ tiêu KPIs: Phấn đấu đến năm 2024, Nhà trường đẩy mạnh xúc tiến hoạt động tác toàn diện với các địa phương trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực lành việc trong lĩnh vực thể dục, thể thao và giải dục có chất lượng cao.

- Hệ thống thông tin có liên quan đến sinh viên và Nhà trường được cung cấp đầy đủ, kịp thời, minh bạch. Người học được tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các chế độ, chính sách, nguồn lực của Nhà trường. Chỉ tiêu KPIs: Phấn đấu đến năm 2026, Nhà trường sẽ cung cấp thông tin đầy đủ, và thực hiện các chính sách cho sinh viên đầy đủ.

- Xây dựng cơ chế chính sách, văn bản quy định để người học được tạo điều kiện tối đa tham gia đóng góp cho sự phát triển và giám sát các hoạt động của Nhà trường. Chỉ tiêu KPIs: Phần đầu đến năm 2026, 100% cơ chế chính sách và văn bản quy định có liên quan được ban hành.

- Các chính sách được xây dựng hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, đảm bảo bình đẳng, chống phân biệt, kỳ thị về giới tính, dân tộc, tôn giáo, xuất xứ, thành phần gia đình. Chỉ tiêu KPIs: Phần đầu đến năm 2026, chính sách hướng đến người học được ban hành.

6. Giải pháp phát triển tổ chức và quản lý

- Sắp xếp các đơn vị thuộc, trực thuộc theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tiếp cận mô hình quốc tế. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, bộ máy của Trường được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn.

- Từng bước thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo nhóm 2 của Nghị định 60/2019/NĐ-CP. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, Nhà trường tiến đến tự chủ từng phần, tự chịu trách nhiệm như tự chủ về thực hiện nhiệm vụ; tự chủ về bộ máy và tổ chức nhân sự; tự chủ về tài chính.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền đến các đơn vị để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong triển khai các nhiệm vụ được giao. Chỉ số KPIs: Đến năm 2036, 100% đơn vị được giao tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

- Sáp nhập các đơn vị có số lượng viên chức không đủ theo quy định. Sáp nhập các bộ môn trong khoa có số viên chức không đủ theo quy định. Chỉ số KPIs: Phần đầu đến năm 2026 hoàn thành.

- Thành lập Trung tâm GDQP và AN với quy mô giảng dạy 15.0000 - 20.000 SV/năm. Chỉ số KPIs: Đến năm 2023, Trung tâm GDQP và AN được thành lập. Mỗi năm tổ chức giảng dạy cho 20.000 sinh viên theo phân luồng của cấp có thẩm quyền.

- Ban hành các văn bản mang tính quản trị thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường. Chỉ số KPIs: Từ năm 2021 - 2026, các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐT ban hành đủ theo quy định.

- Hoàn thiện và thực hiện hệ thống các quy định hoạt động và phối hợp công tác giữa các đơn vị trong trường. Chỉ số KPIs: Từ năm 2023, các quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động và phối hợp công tác giữa các đơn vị trong trường được hoàn thiện và áp dụng tốt.

- Hoàn thiện và ban hành các văn bản quy định quản lý chuyên môn ở các lĩnh vực đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, quản lý sinh viên... Chỉ số KPIs: Từ năm 2023, các văn bản quản lý chuyên môn ở các lĩnh vực được ban hành và áp dụng trong công tác quản lý.

- Giữ vững sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò của tổ chức chính trị - xã hội. Chỉ số KPIs: Hệ thống chính trị trường thực hiện đúng chủ trương, nghị quyết của Đảng, đúng điều lệ tổ chức.

- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng kỷ luật. Chỉ số KPIs: Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật được thực hiện có tác dụng tích cực.

- Xây dựng toàn bộ thủ tục quy trình giải quyết công việc của trường, các tổ chức CT-XH, các đơn vị thuộc, trực thuộc trường. Chỉ số KPIs: Tiến đến sử dụng phần mềm quản trị, hệ thống e-office nhà trường và sử dụng thủ tục quy trình được xây dựng. Đến năm 2024, 100% thủ tục quy trình giải quyết công việc của Trường và của các tổ chức, các đơn vị đều được xây dựng hoàn chỉnh và tiến hành được vào sử dụng. Phần mềm quản trị nhà trường, hệ thống e-office được xây dựng và đưa vào hoạt động.

- Các bộ môn thuộc khoa về khu vực văn phòng làm việc. Các bộ phận của từng đơn vị về khu vực văn phòng của đơn vị làm việc. Chỉ số KPIs: Từ năm 2024, 100 % bộ môn về khu vực văn phòng khoa làm việc; 100% bộ phận thuộc đơn vị về khu vực Văn phòng của đơn vị làm việc.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và dữ liệu quản trị hiện đại. Chỉ số KPIs: Đến năm 2024, Phần đầu xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và dữ liệu quản trị hiện đại trên cơ sở công nghệ thông tin. Trong đó, định hướng ứng dụng phần mềm quản lý tổng thể gồm nhiều phân hệ tích hợp vào hệ thống. Từng bước số hóa toàn bộ quy trình và dữ liệu phục vụ quản trị toàn diện Nhà trường. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý minh bạch, có khả năng chia sẻ nội bộ cao đồng thời với nâng cao bảo mật hệ thống và an toàn thông tin.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động. Chỉ số KPIs: Định kỳ đánh giá hiệu quả làm việc của nhân sự, hiệu quả sử dụng nguồn lực Nhà trường, hướng tới đánh giá năng lực theo KPIs; tăng cường kiểm tra chấp hành quy chế, quy định của Nhà trường.

7. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Lập và thực hiện quy hoạch chi tiết về đội ngũ cán bộ cho từng đơn vị. Chỉ số KPIs: Quy hoạch chi tiết về đội ngũ cán bộ cho từng đơn vị và toàn trường được phê duyệt và thực thi từ cuối năm 2023; tập trung đào tạo cán bộ có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ; tăng số lượng giảng viên có học hàm GS, PGS:1-2/năm người; tăng số lượng giảng viên có học vị tiến sĩ 1-2 người/năm; các đơn vị có đủ nhân lực và mang tính liên tục.

- Xây dựng và ban hành đề án vị trí việc làm của trường. Chỉ số KPIs: Đến năm 2023, Đề án vị trí việc làm được Hội đồng trường phê duyệt và ban hành.

- Tuyển dụng sử dụng cán bộ đúng chuyên môn nghiệp vụ và ngạch được bổ nhiệm. Chỉ số KPIs:100% cán bộ được sử dụng đúng chuyên môn nghiệp vụ và ngạch được bổ nhiệm; 100% viên chức có tính chuyên nghiệp.

- Đào tạo bồi dưỡng năng lực quản lý chuyên nghiệp cho cán bộ quản lý. Chỉ số KPIs:100% cán bộ quản lý được đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý.

- Đào tạo bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho giảng viên. Chỉ số KPIs: Hằng năm có 20% giảng viên được đào tạo nâng cao trình độ; có 80% giảng viên có năng lực nghiên cứu.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế tuyển dụng, sử dụng, mô tả công việc, đánh giá, đãi ngộ cho từng vị trí viên chức của Trường. Chỉ số KPIs: Hệ thống các quy chế tuyển dụng, mô tả công việc và đánh giá cho từng vị trí viên chức của Trường được thực thi từ năm 2024; có 80% GV phải có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ trong lĩnh vực được phân công đảm nhiệm; Trả lương và chế độ đãi ngộ của viên chức được cải thiện để có thể toàn tâm, toàn ý phục vụ cho sự nghiệp phát triển của Trường.

- Cử viên chức học trung cấp lý luận chính trị; cao cấp lý luận chính trị. Chỉ số KPIs: Mỗi năm từ 1- 2 viên chức học cao cấp lý luận chính trị; mỗi năm từ 2-3 viên chức học trung cấp lý luận chính trị.

8. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất

Căn cứ các định mức hiện hành tính toán nhu cầu sử dụng đất và diện tích sàn nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật cần xây dựng theo từng khu quy hoạch chức năng; Căn cứ thực trạng sử dụng đất và cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường năm 2020 để xác định nhu cầu phát triển theo từng giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030. Các giải pháp thực hiện như sau:

- Điều chỉnh quy hoạch không gian tổng thể toàn trường và của từng đơn vị. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, không gian tổng thể của trường sẽ xanh, sạch và đẹp; cơ sở hạ tầng đẹp.

- Sử dụng đất làm khu học tập, ký túc xá, trung tâm, trường, viện và các đơn vị. Chỉ số KPIs: Giai đoạn 2021-2026 là 94.625 m² và đến năm 2030 là 105.899 m².

- Phát triển thư viện sách. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, thư viện sách với quy mô đáp ứng nhu cầu của người học.

- Phát triển thư viện điện tử. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, thư viện điện tử với quy mô đáp ứng nhu cầu của người học.

- Hoàn thành khu nhà B2 quy mô 8 tầng. Chỉ số KPIs: Đến năm 2030, hoàn tất việc xây dựng toàn nhà hành chính tập trung.

- Dự án xây dựng Trung tâm GDQP và AN. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, cơ sở hạ tầng của Trung tâm được xây dựng đầy đủ đáp ứng giảng dạy cho 20.000 sv/năm.

- Cải tạo khu làm việc cho các đơn vị trong trường. Chỉ số KPIs: Đến năm 2024, cơ sở làm việc của các đơn vị hoàn thành.

- Xây dựng Ký túc xá sinh viên quy mô 500 giường. Chỉ số KPIs: Đến năm 2026, đáp ứng 60 % nhu cầu về chỗ ở của sinh viên.

- Mua sắm thiết bị bổ sung phục vụ công tác giảng dạy phục vụ đào tạo đại học, sau đại học theo nhu cầu thực tế từ các đơn vị. Chỉ số KPIs: Đến năm

2030, các thiết bị dạy học, nghiên cứu được trang bị đầy đủ theo nhu cầu của đơn vị.

9. Giải pháp phát triển tài chính

- Từng bước xây dựng tự chủ một phần tài chính nhóm 2 theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng và điều chỉnh lộ trình tăng thu học phí hàng năm theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2026 và 2026-2030 để thực hiện mục tiêu từng giai đoạn. Hàng năm, xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính để điều hành hoạt động Nhà trường đáp ứng mục tiêu phát triển của từng năm và từng giai đoạn.

- Phát triển đa dạng nguồn thu để phục vụ mục tiêu phát triển Nhà trường. Đảm bảo ổn định và phát triển nguồn thu từ hoạt động đào tạo. Tăng cường các khoản thu từ khai thác dịch vụ hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tích cực huy động nguồn đầu tư từ Chính phủ, Bộ, các tổ chức, cá nhân để hiện đại hóa cơ sở vật chất và hỗ trợ người học.

- Xây dựng chính sách, khuyến khích cá nhân trong Trường tạo nguồn thu từ hoạt động đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu, chuyển giao, tư vấn cho các tổ chức, cá nhân bên ngoài.

- Xây dựng chính sách phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn lực tài chính, đảm bảo nguyên tắc cân đối giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Đảm bảo thu nhập của cán bộ, viên chức tăng theo lộ trình. Chi cho nghiên cứu khoa học đảm bảo tỉ lệ chi thường xuyên hàng năm theo quy định pháp luật, đặc biệt chú trọng chính sách hỗ trợ tài chính hợp lý cho công bố quốc tế.

- Hoàn thiện chính sách quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo mục tiêu tăng cường năng lực đội ngũ và tăng cường cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2026 và 2026-2030.

- Hàng năm đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính để đưa ra các giải pháp cải tiến, đảm bảo tiết kiệm nguồn lực tài chính, chống thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định. Công khai các khoản thu, mục thu, công khai báo cáo quyết toán năm. Minh bạch sử dụng nguồn lực tài chính cho viên chức, người lao động và các bên có liên quan.

- Nguồn thu hàng năm tăng khoảng 10%, trong đó nâng tỉ lệ nguồn thu từ dịch vụ.

10. Giải pháp quảng bá và phát triển thương hiệu

- Xây dựng chương trình giới thiệu về dịch vụ đào tạo, kết quả nghiên cứu, công nghệ chuyển giao của trường trên các loại hình thông tin đại chúng. Chỉ số KPIs: Đến năm 2024, chương trình giới thiệu về các dịch vụ của

Trường được ban hành và được giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Chất lượng đào tạo và các dịch vụ sinh viên chính là cách quảng bá có hiệu quả nhất. Chính các cựu sinh viên của trường, sau khi tốt nghiệp sẽ là một trạm thông tin để quảng bá giúp cho trường. Chỉ số KPIs: Đến năm 2024, mức độ hài lòng của sinh viên và các bên liên quan đạt ở mức 4.

- Chính đôn nội dung và cập nhật thường xuyên thông tin của trường lên website để có thể chuyển đến người đọc nhanh và hiệu quả. Chỉ số KPIs: Đến năm 2024, 100% thông tin được cập nhật của trường sẽ chuyển đến người học trong thời gian ngắn nhất, mức độ hài lòng của sinh viên ở mức 4.

- Thông qua Trung tâm hỗ trợ sinh viên quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm dịch vụ sinh viên và các đơn vị có chức năng quản lý sinh viên tăng cường quá trình liên kết với các doanh nghiệp để giới thiệu tiềm năng, nguồn nhân lực được đào tạo từ Nhà trường. Chỉ số KPIs: Đến năm 2024, Nhà trường sẽ xúc tiến hoạt động hợp tác toàn diện với các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu về nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực thể dục, thể thao và giáo dục.

- Khuyến khích giảng viên viết giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo... gia tăng số bài báo trong nước và quốc tế có chất lượng được xuất bản ở những nhà xuất bản có uy tín để có thể khẳng định uy tín của trường. Chỉ số KPIs: Phần đầu đến năm 2024, có khoảng 80% giảng viên tham gia các hoạt động về nghiên cứu khoa học.

- Đầu tư cho các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên tích cực tham gia các hoạt động văn thể mỹ và kết hợp quảng bá trong quá trình tham gia. Chỉ số KPIs: Phần đầu đến năm 2024, các tổ chức chính trị - xã hội đều đăng cai tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao với quy mô người tham dự trên 500 người, và theo từng năm trong giai đoạn có xu hướng tăng lên 10%.

- Các chương trình tình nguyện, chương trình xã hội: Mùa hè xanh, xuân tình nguyện... để lại rất nhiều dấu ấn tốt đẹp trong các cấp quản lý, sinh viên, người dân địa phương. Chỉ số KPIs: Trong giai đoạn 2021 - 2030, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức 1-2 đợt trong năm.

11. Giải pháp đảm bảo chất lượng giáo dục đại học

- Rà soát và hoàn thiện các quy định về đảm bảo chất lượng Trường. Chỉ số KPIs: Trong năm 2023, các quy định về đảm bảo chất lượng của Trường được ban hành.

- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng từ cấp độ Trường đến đơn vị. Thực hiện các hoạt động của Trường và đơn vị theo kế hoạch và quy định để hình thành dữ liệu, lưu trữ, phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng. Chỉ số KPIs: Trong năm 2023, ban hành kế hoạch kiểm định chất lượng; rà soát, khôi phục toàn bộ hồ sơ minh chứng thể chức năng, nhiệm vụ của trường và của từng đơn vị.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ thực hiện công tác đảm bảo chất lượng tại Trường và các đơn vị. Chỉ số KPIs: Trong năm 2023, 100% cán bộ làm công tác kiểm định chất lượng được cử đi bồi dưỡng nghiệp vụ.

- Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch kiểm định chất lượng Trường và chương trình theo bộ tiêu chuẩn kiểm định được Bộ Giáo dục ban hành và định hướng tiếp cận theo AUN-QA. Chỉ số KPIs: Phần đầu trong 2023, Trường sẽ đánh giá chất lượng giáo dục nội bộ, tiến đến đánh giá ngoài.

- Đảm bảo nguồn lực cơ sở vật chất, tài chính và nhân lực cho hoạt động đảm bảo chất lượng Nhà trường. Chỉ số KPIs: Trong năm 2023, các nguồn lực đảm bảo cho công tác kiểm định chất lượng GDĐH sẽ được chuẩn bị đầy đủ.

Nhận định chung: Trường Đại học Thể dục thể thao Tp.HCM là trường đại học công lập, đa ngành, đa lĩnh vực có nhiệm vụ đào tạo bậc đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực TDTT và các lĩnh vực liên quan. Trường có một sứ mệnh là giáo dục, đào tạo ra các cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ và vận động viên năng khiếu trong lĩnh vực TDTT. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tích lớn và phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây, song thực sự vẫn chưa hoàn toàn theo kịp nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh, thành phía Nam và cả nước. Nhà trường phấn đấu đến năm 2026 trở thành một trường đại học đạt chuẩn chất lượng cao quốc gia và sẽ từng bước tiếp cận đẳng cấp khu vực và châu Á; trở thành một trung tâm đào tạo các thể hệ sinh viên, vận động viên năng động, sáng tạo, chủ động, biết nghĩ - biết làm, quý trọng con người và có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; trở thành một trung tâm nghiên cứu khoa học có đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch và những vấn đề thực tiễn kinh tế - xã hội đặt ra của nước ta.

PHẦN THỨ TƯ: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

I. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Giai đoạn từ năm 2021-2026 chuẩn bị các nguồn lực thực hiện chiến lược

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản quản lý chuyên môn ở các lĩnh vực hoạt động của Trường.
- Xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện chiến lược.
- Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược.
- Chuẩn bị nhân sự thực hiện chiến lược.
- Tiến hành triển khai các dự án, đề án, chương trình ngắn hạn.

2. Giai đoạn từ năm 2026-2030 mở rộng, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện chiến lược

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của chiến lược.
- Tổng kết 05 thực hiện chiến lược giai đoạn 2021 -2026.
- Tiếp tục thực hiện các dự án, đề án, chương trình giai đoạn 2026- 2030.
- Tổng kết 10 thực hiện chiến lược giai đoạn 2021-2030.

II. CÁC DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN

1. Các dự án thực hiện chiến lược

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho Trung tâm GDQP và AN.
- Dự án xây dựng khu hành chính tập trung B2.
- Dự án cải tạo đường trục chính.
- Dự án xây dựng căn tin của Trường.
- Dự án cải tạo và sửa chữa ký túc xá.
- Dự án tin học hóa công tác quản lý trong hoạt động của Trường.
- Dự án tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và ngoại ngữ.
- Dự án xây dựng thư viện điện tử và hệ thống đào tạo e-Learning.
- Dự án cải tạo khu giảng đường và khu làm việc.

2. Các đề án thực hiện chiến lược

- Đề án đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên và quản lý trình độ cao.
- Đề án khai thác và cung ứng dịch vụ.
- Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và tiến đến thương mại hóa.
- Đề án tuyển chọn, nuôi dưỡng, huấn luyện vận động viên.
- Đề án quảng bá và phát triển thương hiệu của trường.

- Đề án xây dựng thủ tục quy trình giải quyết công việc.
- Đề án vị trí việc làm.

3. Các chương trình thực hiện chiến lược

- Chương trình 1: “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” theo Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị và các cuộc vận động “*Nói không với bệnh thành tích và tiêu cực*”, “*Nói không với đào tạo không đạt chuẩn và không đáp ứng nhu cầu xã hội*”, “*Nói không với tiêu cực trong thi cử*”, ...

- Chương trình 2: Cải tiến, phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các ngành đào tạo đạt chuẩn đạt chuẩn kiểm định chương trình.

- Chương trình 3: Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy.

- Chương trình 4: Mở thêm một số ngành đào tạo mới và môn thể thao mới đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Chương trình 5: Phát triển các chương trình liên kết quốc tế.

- Chương trình 6: Đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy tiếng Anh và tiếng Hoa không chuyên.

- Chương trình 7: Giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo.

- Chương trình 8: Nâng cao chất lượng đào tạo hệ vừa làm vừa học.

- Chương trình 9: Đổi mới quản lý đào tạo đại học và sau đại học

- Chương trình 10: Đánh giá, kiểm định, đảm bảo chất lượng đào tạo

- Chương trình 11: Tạo lập nhóm nghiên cứu nghiên cứu sâu trong từng lĩnh vực, gắn chặt công tác đào tạo - nghiên cứu khoa học.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện chiến lược

- Ngân sách nhà nước.
- Ngân sách từ nguồn thu của nhà trường.

2. Phân công thực hiện chiến lược

- Ban thực hiện chiến lược do Hiệu trưởng làm trưởng ban. Thành phần: Ban Giám hiệu, trưởng một số phòng chức năng và các đơn vị có liên quan. Cơ cấu: Trưởng ban, các Phó trưởng ban, các ủy viên và Ban thư ký. Nhiệm vụ: Xây dựng quy chế hoạt động của Ban thực hiện chiến lược; Ban có trách nhiệm họp và phân công cụ thể các thành viên; Định kỳ họp, báo cáo tiến độ xây dựng dự án, đề án, chương trình thực hiện chiến lược.

- Hội đồng trường thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai và thực hiện chiến lược.

- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chiến lược ở các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; kiểm soát các chỉ tiêu KPIs cần đạt hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công cho Ban thực hiện chiến lược mỗi quý/lần.

3. Phương án kiểm tra, đánh giá thực hiện chiến lược

- Nhà trường ra quyết định thành lập ban kiểm tra, theo dõi thực hiện chiến lược do Hiệu trưởng làm trưởng ban.
- Xây dựng và thông qua kế hoạch kiểm tra thực hiện chiến lược.
- Định kỳ hàng quý kiểm tra quá trình thực hiện, tiến độ, chất lượng và giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện.
- Nhà trường có trách nhiệm quản lý chặt chẽ các nguồn lực phục vụ các đề án, chương trình của chiến lược phát triển Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. HCM giai đoạn 2021 - 2026 và tầm nhìn đến 2030.
- Định kỳ hàng quý, hàng năm theo kế hoạch tiến độ thực hiện chiến lược, Nhà trường có tổng kết đánh giá mức độ đạt được những chỉ tiêu đã đề ra trong các giải pháp.
- Thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo về kết quả thực hiện chiến lược với Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Vụ Đào tạo; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Kế hoạch-Tài chính; Vụ Khoa học công nghệ; Vụ Hợp tác quốc tế và các Vụ, cơ quan có liên quan.
- Nhà trường chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về kết quả thực hiện chiến lược.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

PGS.TS. Vũ Việt Bảo